BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2010/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2010*

THÔNG TƯ
Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Văn hóa - Nghệ thuật - Thông tin, trình độ đại học và cao đẳng

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ kết quả thẩm định ngày 22, 23, 24 tháng 10 năm 2009 của Hội đồng tư vấn xây dựng Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Văn hóa - Nghệ thuật - Thông tin;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Văn hóa - Nghệ thuật - Thông tin, trình độ đại học và cao đẳng, gồm 20 chương trình khung của các ngành sau:

I. Trình độ đại học: gồm 11 chương trình khung của 11 ngành:

1. Âm nhạc học.

2. Chỉ huy Âm nhạc.

3. Đạo diễn Sân khấu.

4. Biên kịch Điện ảnh - Truyền hình.

5. Biên kịch Sân khấu.

6. Diễn viên sân khấu kịch hát.

7. Lý luận và phê bình Điện ảnh - Truyền hình.

8. Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh.

9. Đồ họa.

10. Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam.

11. Quản lý văn hóa.

II. Trình độ cao đẳng: gồm 09 chương trình khung của 09 ngành:

1. Thanh nhạc.

2. Biểu diễn nhạc cụ truyền thống.

3. Hội họa.

4. Điêu khắc.

5. Thiết kế đồ họa.

6. Truyền thông đa phương tiện.

7. Quản lý văn hóa.

8. Khoa học thư viện.

9. Bảo tàng học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2010. Các chương trình khung kèm theo Thông tư này được dùng trong các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng được giao nhiệm vụ đào tạo các ngành học này ở trình độ đại học, cao đẳng.

Điều 3. Căn cứ các chương trình khung quy định tại Thông tư này, Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng tổ chức xây dựng các chương trình giáo dục cụ thể của trường; tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình các môn học để sử dụng chính thức trong trường trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Giám đốc hoặc Hiệu trưởng thành lập.

Điều 4. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Âm nhạc học (Musicology)

Mã ngành:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Âm nhạc học trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Âm nhạc học để có năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

2.2. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn; hệ thống kiến thức về lĩnh vực Âm nhạc học: lịch sử và lý luận âm nhạc; Phê bình âm nhạc; Âm nhạc dân tộc học.

2.3. Kỹ năng

Có kỹ năng sưu tầm, tổng hợp; đánh giá, nghiên cứu, phê bình âm nhạc.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 198 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc (đvht)	Kiến thức các trường thiết kế và xây dựng (đvht)	Tổng số (đvht)
2.1. Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	49	21	70
2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	70	58	128
- Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	36		
- Kiến thức ngành	14		
- Thực tập nghề nghiệp	10		
- Chương trình biểu diễn tốt nghiệp	10		
2.3. Tổng khối lượng	119	79	198

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

1. Danh mục các học phần bắt buộc

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 49 đvht*

1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	4
4	Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
6	Mỹ học đại cương	3
7	Tin học đại cương	4
8	Ngoại ngữ	10
9	Giáo dục học đại cương	3
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4
11	Tâm lý học đại cương	4
12	Giáo dục thể chất	5
13	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết

* Chưa tính các học phần 12 và 13

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 70 đvht

1.2.1. Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành 36 đvht

1	Ký - Xướng âm I	4
2	Hòa âm I	4
3	Phân tích âm nhạc I	4
4	Phân tích âm nhạc II	4
5	Lịch sử âm nhạc phương Tây I	4
6	Lịch sử âm nhạc phương Tây II	4
7	Lịch sử âm nhạc phương Đông	4
8	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	4
9	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	4

1.2.2. Kiến thức ngành 14 đvht

1	Piano I	2
2	Phức điệu I	3
3	Tính năng nhạc cụ Việt Nam	2
4	Hòa âm II	2
5	Phối khí I	3
6	Đọc tổng phổ	2

1.2.3. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

1.2.4. Chương trình tốt nghiệp: 10 đvht

2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

2.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.4. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung:

+ Những quan điểm và nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa.

+ Vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội từng thời kỳ, từng giai đoạn).

+ Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo văn hóa.

+ Những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay.

+ Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

+ Phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; sự biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể và xác định rõ những đặc điểm của các vùng văn hóa ở Việt Nam.

2.6. Mỹ học đại cương: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Những kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về Mỹ học nhằm tạo cho người học ý thức, khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật.

2.7. Tin học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không.

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về tin học như: khái niệm về tin học và máy tính, cách sử dụng hệ điều hành và một số tiện ích; soạn thảo văn bản trên máy tính, sử dụng bảng tính; khai thác dịch vụ cơ bản của mạng Internet. Ngoài ra, giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng.

2.8. Ngoại ngữ: 10 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Những kiến thức và kỹ năng căn bản nhất về tiếng Anh, làm nền tảng giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Đối với những sinh viên đã học chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông, sau khi hoàn thành học phần phải đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level).

2.9. Giáo dục học đại cương: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những vấn đề chung của Giáo dục học: chức năng giáo dục, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống giáo dục quốc dân; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; lý luận về quản lý trường học: nội dung và phương pháp quản lý, vai trò của hiệu trưởng, vai trò của giáo viên, vai trò của tập thể sinh viên.

2.10. Phương pháp nghiên cứu khoa học: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung:

+ Những khái niệm cơ bản về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học.

+ Chức năng cơ bản của nghiên cứu khoa học, các đặc điểm của nghiên cứu khoa học và các loại hình nghiên cứu khoa học.

+ Khái niệm đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

+ Khái niệm chung về giả thuyết nghiên cứu.

+ Phương pháp thu thập và xử lý thông tin, bao gồm: phương pháp nghiên cứu lý thuyết, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm, phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm, quan hệ giữa các loại hình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu.

+ Trình tự nghiên cứu khoa học: lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương, kế hoạch nghiên cứu, các phương tiện, điều kiện nghiên cứu và tiến hành nghiên cứu.

2.11. Tâm lý học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quy luật chung của sự hình thành, phát triển, vận hành tâm lý con người và sự vận dụng những quy luật đó vào việc giáo dục, phát triển con người toàn diện. Học phần bao gồm: cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý con người, sự hình thành nhân cách, tính cách và xu hướng năng lực.

2.12. Giáo dục thể chất: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường Đại học và Cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

2.13. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

2.14. Ký - Xướng âm I: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: rèn luyện các kỹ năng:

+ Xướng âm, đọc tiết tấu, ghi âm và luyện tai nghe thông qua các bài tập và các trích đoạn của các tác phẩm kinh điển có từ 0 đến 7 dấu hóa.

+ Đọc gam cromatic, quãng, các loại hợp âm ba và hợp âm bảy.

+ Xướng âm 1 bè, nhiều bè; ký âm 1 bè và nhiều bè có ly điệu, có biến âm, ly điệu, chuyển điệu.

+ Xướng âm trên khóa sol, khóa fa, khóa đô alto; ký âm trên khóa sol, khóa fa.

2.15. Hòa âm I: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về hòa âm: cấu trúc điệu thức và vai trò của hệ thống công năng, tính ổn định và không ổn định trong điệu thức; màu sắc và vai trò của hệ thống biến âm, âm nền; các lý thuyết về chuyển điệu: chuyển điệu công năng, chuyển điệu đẳng âm, chuyển điệu bất ngờ, chuyển điệu bằng giai điệu, nhảy điệu, chuyển thể và hệ thống trưởng thứ liên hợp.

2.16. Phân tích âm nhạc I: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hòa âm I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lý luận và thẩm mỹ âm nhạc; những đặc điểm về thể loại, cấu trúc của các hình thức: một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn; rondo; ba đoạn phức; biến tấu; sonate và các dạng đặc biệt của sonate.

2.17. Phân tích âm nhạc II: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Phân tích âm nhạc I

- Nội dung: Những đặc điểm về thể loại, cấu trúc của các hình thức rondo sonate; rondo cao cấp; hình thức hỗn hợp; hình thức tự do; tổ khúc và liên khúc; Opera; Ballet.

2.18. Lịch sử âm nhạc phương Tây I: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nền âm nhạc châu Âu từ thời kỳ cổ đại cho tới nửa đầu thế kỷ XIX. Từ đó, sinh viên nắm được những đặc điểm chính về phong cách, quan điểm thẩm mỹ cũng như bút pháp sáng tác trong từng thời kỳ, từng trường phái âm nhạc thông qua các nhạc sỹ tiêu biểu.

2.19. Lịch sử âm nhạc phương Tây II: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử âm nhạc phương Tây I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nền âm nhạc chuyên nghiệp châu Âu, Bắc Mỹ từ cuối thế kỷ XIX cho tới nửa sau

thế kỷ XX. Trên cơ sở đó, sinh viên nắm được những đặc điểm chính về phong cách, quan điểm thẩm mỹ cũng như bút pháp sáng tác trong từng thời kỳ, từng trường phái âm nhạc thông qua các nhạc sỹ tiêu biểu.

2.20. Lịch sử âm nhạc phương Đông: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển âm nhạc phương Đông từ thời nguyên thủy, cổ đại đến thời kỳ cận đại; về thể loại và những đặc trưng cơ bản trong âm nhạc các nước, các dân tộc, các khu vực thuộc phạm vi phương Đông: âm nhạc Trung Quốc, âm nhạc Ấn Độ, âm nhạc bán đảo Triều Tiên, âm nhạc Nhật Bản, âm nhạc khu vực Đông Nam Á.

2.21. Lịch sử âm nhạc Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam từ thời đại Hùng Vương đến nay, bao gồm: âm nhạc Việt Nam thời đại Hùng Vương và thời Bắc thuộc (từ cuối thế kỷ thứ III trước Công nguyên đến thế kỷ X sau Công nguyên); âm nhạc Việt Nam thời phong kiến (từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIX); âm nhạc Việt Nam thời Pháp thuộc (từ giữa thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng 8 năm 1945); âm nhạc Việt Nam từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 cho đến nay.

2.22. Âm nhạc truyền thống Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về âm nhạc dân gian và âm nhạc truyền thống, bao gồm các nội dung: tổng quan về âm nhạc người Việt, một số thể loại dân ca tiêu biểu (hát ru, đồng dao, hát giao duyên, hò, dân ca nghi lễ và phong tục); những kiến thức cơ bản về âm nhạc sân khấu (Chèo, Tuồng, Cải lương); các thể loại ca nhạc chuyên nghiệp cổ truyền chuyên nghiệp (hát xẩm, ca trù, ca Huế, hát Văn…); những nét khái quát về âm nhạc của các dân tộc thiểu số Việt Nam tiêu biểu ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ (Thái, Mường, H'Mông, Chăm, Banar, Êđê...); tổng quan về nhạc khí và hệ nhạc cụ dân tộc Việt Nam (nguyên tắc phân loại nhạc cụ, giới thiệu một số nhạc cụ tiêu biểu và phương thức tổ chức dàn nhạc trong âm nhạc dân gian và âm nhạc cung đình).

2.23. Piano I: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: củng cố, phát triển các dạng kỹ thuật của Piano, các dạng kỹ thuật: chạy đơn nốt; chạy rải, quãng 8, hợp âm, gam ngũ cung; khả năng đàn phức điệu; khả năng thể hiện các tác phẩm ở thể loại sonata thuộc các phong cách cổ điển, lãng mạn, cận đại, ấn tượng.

2.24. Phức điệu I: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về phức điệu: phức điệu tương phản, phức điệu mô phỏng, phức điệu nghiêm khắc; đối vị tương phản; một số hình thức mô phỏng; đối vị đảo ảnh; mối quan hệ giữa âm nhạc phức điệu và âm nhạc chủ điệu.

2.25. Tính năng nhạc cụ Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và tính năng các nhạc cụ truyền thống Việt Nam; hệ thống phân loại các nhạc cụ.

2.26. Hòa âm II: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hòa âm I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về chuyển điệu cấp II từ điệu trưởng, điệu thứ, chuyển điệu cấp III từ điệu trưởng, điệu thứ; chuyển điệu đẳng âm; chuyển điệu đẳng âm qua hợp âm 7 giảm, hợp âm 7 át, hợp âm 3 tăng, bậc VI giáng (TSVI ♌), bậc II giáng (II ♌ Napoliten); phân tích hòa âm, thực hành hòa âm trên đàn các nội dung đã học; áp dụng các nội dung đã học trong học phần để sáng tác Prelude hòa âm.

2.27. Phối khí I: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hòa âm I, Phức điệu I, Phân tích âm nhạc I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển dàn nhạc; các loại dàn nhạc; dàn nhạc giao hưởng và tổng phổ; cơ cấu tổ chức dàn nhạc giao hưởng nhỏ, vừa và lớn... Vai trò của bộ dây trong dàn nhạc giao hưởng và các lối viết 1, 2, 3, 4 bè trong bộ dây; bộ gỗ trong dàn nhạc giao hưởng; hòa âm trong bộ gỗ; bộ gỗ đi giai điệu; bộ gỗ đi giai điệu với bè dây đệm; bộ gỗ đi đồng âm cùng loại và khác loại; dàn nhạc giao hưởng nhỏ.

2.28. Đọc tổng phổ: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tính năng nhạc cụ Việt Nam, Piano I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về những kỹ năng đọc tổng phổ dàn nhạc để có thể đánh trên đàn Piano để nghiên cứu, phân tích các tác phẩm; cách đọc tổng phổ dàn nhạc và các nguyên tắc tổng hợp trên đàn Piano; cách đọc các loại khóa; cách đọc tổng phổ các bộ nhạc cụ; các nguyên tắc tổng hợp các bộ nhạc cụ; cách xác định âm thực của các nhạc cụ so với cách viết trên tổng phổ của các nhạc cụ phương Tây và Việt Nam.

2.29. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

- Thực hành điền dã sưu tầm chất liệu âm nhạc, lịch sử âm nhạc một số vùng dân ca; âm nhạc cổ truyền tiêu biểu của các vùng chủ yếu.

- Thực tập giảng dạy: trợ giảng dưới sự hướng dẫn của các giảng viên (dành cho sinh viên năm thứ 3 - 4).

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

1. Hướng dẫn xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo

1.1. Khi xây dựng chương trình đào tạo các trường cần phân chia tỷ lệ cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo phải thể hiện được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

1.2. Chương trình được thực hiện kết hợp giữa niên chế và học phần. Tùy điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quyết định chuyển đổi hình thức đào tạo sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ căn cứ vào các quy định hiện hành.

2. Khối lượng kiến thức tự chọn

2.1. Căn cứ quy định tại mục 2 (cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo) ngoài các học phần bắt buộc đã quy định tại mục III, các đơn vị học trình còn lại do các trường thiết kế và xây dựng, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 21 đvht

- Kiến thức ngành: 58 đvht

Hiệu trưởng các trường quyết định các học phần tự chọn sao cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm ngành nghề đào tạo của trường mình.

2.2. Giới thiệu chuyên ngành tự chọn, gồm các chuyên ngành: Lịch sử và lý luận âm nhạc; Phê bình âm nhạc; Âm nhạc dân tộc học; Phê bình âm nhạc… Chuyên ngành có khối lượng kiến thức tối thiểu: 20 đvht.

3. Thang điểm đánh giá kết quả học tập được tính theo thang điểm: 10 điểm.

- Điểm trực tiếp của cán bộ giảng dạy được làm tròn đến một con số thập phân.

- Điểm trung bình của Hội đồng chấm thi được làm tròn đến hai con số thập phân.

- Điểm của các học phần sẽ được tích lũy thành điểm trung bình chung của từng năm để xếp loại học tập, xét học bổng hàng năm và được tích lũy toàn khóa để xếp loại tốt nghiệp.

4. Hình thức thi tốt nghiệp: bảo vệ khóa luận trực tiếp trước Hội đồng giám khảo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Chỉ huy âm nhạc (Conducting)

Mã ngành:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Chỉ huy âm nhạc trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Chỉ huy âm nhạc để có năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

2.2. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn; hệ thống kiến thức chung về lĩnh vực âm nhạc và nghệ thuật chỉ huy: Chỉ huy dàn nhạc, Chỉ huy hợp xướng.

2.3 Kỹ năng

Có kỹ năng về chỉ huy dàn nhạc, chỉ huy hợp xướng ở trình độ đại học.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 198 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc (đvht)	Kiến thức tự chọn (đvht)	Tổng số (đvht)
2.1. Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	49	21	70
2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	75	53	128
- Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành	36		
- Kiến thức ngành	19		
- Thực tập nghề nghiệp	10		
- Chương trình biểu diễn tốt nghiệp	10		
2.3. Tổng khối lượng	124	74	198

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

1. Danh mục các học phần bắt buộc

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 49 đvht*

1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
4	Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
6	Mỹ học đại cương	3
7	Ngoại ngữ	10
8	Tin học đại cương	4
9	Giáo dục học đại cương	3
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4
11	Tâm lý học đại cương	4
12	Giáo dục thể chất	5
13	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết

* Chưa tính các học phần 12 và 13

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 75 đvht

1.2.1. Kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành 36 đvht

1	Ký - Xướng âm I	4
2	Hòa âm I	4
3	Phân tích âm nhạc I	4
4	Phân tích âm nhạc II	4
5	Lịch sử âm nhạc phương Tây I	4
6	Lịch sử âm nhạc phương Tây II	4
7	Lịch sử âm nhạc phương Đông	4
8	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	4
9	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	4

1.2.2. Kiến thức ngành 19 đvht

1	Piano I	2
2	Phức điệu I	3
3	Phức điệu II	3
4	Hòa âm II	2
5	Tính năng nhạc cụ phương Tây	2
6	Phối hợp xướng	2
7	Phối khí I	3
8	Đọc tổng phổ	2

1.2.3. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

1.2.4. Chương trình tốt nghiệp: 10 đvht

2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

2.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.4. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung:

+ Những quan điểm và nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa.

+ Vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội từng thời kỳ, từng giai đoạn).

+ Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo văn hóa.

+ Những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay.

+ Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

+ Phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; sự biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ

chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể và xác định rõ những đặc điểm của các vùng văn hóa ở Việt Nam.

2.6. Mỹ học đại cương: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Những kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về Mỹ học nhằm tạo cho người học ý thức, khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật.

2.7. Ngoại ngữ: 10 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Những kiến thức và kỹ năng căn bản nhất về tiếng Anh, làm nền tảng giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Đối với những sinh viên đã học chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông, sau khi hoàn thành học phần phải đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level).

2.8. Tin học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về tin học: khái niệm về tin học và máy tính, cách sử dụng hệ điều hành, soạn thảo văn bản trên máy tính; sử dụng bảng tính; khai thác các dịch vụ cơ bản của mạng Internet. Ngoài ra, giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

2.9. Giáo dục học đại cương: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những vấn đề chung của giáo dục học: chức năng giáo dục, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống giáo dục quốc dân; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; lý luận về quản lý trường học: nội dung và phương pháp quản lý, vai trò của hiệu trưởng, vai trò của giáo viên, vai trò của tập thể sinh viên.

2.10. Phương pháp nghiên cứu khoa học: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung:

+ Những khái niệm cơ bản về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học.

+ Chức năng cơ bản của nghiên cứu khoa học, các đặc điểm của nghiên cứu khoa học và các loại hình nghiên cứu khoa học.

+ Khái niệm đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

+ Khái niệm chung về giả thuyết nghiên cứu.

+ Phương pháp thu thập và xử lý thông tin, bao gồm: phương pháp nghiên cứu lý thuyết, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm, phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm, quan hệ giữa các loại hình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu.

+ Trình tự nghiên cứu khoa học: lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương, kế hoạch nghiên cứu, các phương tiện, điều kiện nghiên cứu và tiến hành nghiên cứu.

2.11. Tâm lý học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quy luật chung của sự hình thành, phát triển, vận hành tâm lý con người và sự vận dụng những quy luật đó vào việc giáo dục, phát triển con người toàn diện. Học phần bao gồm: cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý con người, sự hình thành nhân cách, tính cách và xu hướng năng lực.

2.12. Giáo dục thể chất: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn I) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục Thể chất giai đoạn II các trường Đại học và Cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

2.13. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

2.14. Ký - Xướng âm I: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: rèn luyện các kỹ năng:

+ Xướng âm, đọc tiết tấu, ghi âm và luyện tai nghe thông qua các bài tập và các trích đoạn của các tác phẩm kinh điển có từ 0 đến 7 dấu hóa.

+ Đọc gam cromatic, quãng, các loại hợp âm ba và hợp âm bảy.

+ Xướng âm 1 bè, nhiều bè; ký âm 1 bè và nhiều bè có ly điệu, có biến âm, ly điệu, chuyển điệu.

+ Xướng âm trên khóa sol, khóa fa, khóa đô alto; ký âm trên khóa sol, khóa fa.

2.15. Hòa âm I: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về hòa âm: cấu trúc điệu thức và vai trò của hệ thống công năng, tính ổn định và không ổn định trong điệu thức; màu sắc và vai trò của hệ thống biến âm, âm nền; các lý thuyết về chuyển điệu: chuyển điệu công năng, chuyển điệu đẳng âm, chuyển điệu bất ngờ, chuyển điệu bằng giai điệu, nhảy điệu, chuyển thể và hệ thống trưởng thứ liên hợp.

2.16. Phân tích âm nhạc I: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hòa âm I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lý luận và thẩm mỹ âm nhạc; những đặc điểm về thể loại, cấu trúc của các hình thức: một đoạn đơn, hai đoạn đơn; ba đoạn đơn; rondo; ba đoạn phức; biến tấu; sonate và các dạng đặc biệt của sonate.

2.17. Phân tích âm nhạc II: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Phân tích âm nhạc I

- Nội dung: Những đặc điểm về thể loại, cấu trúc của các hình thức rondo sonate; rondo cao cấp; hình thức hỗn hợp; hình thức tự do; tổ khúc và liên khúc; Opera; Ballet.

2.18. Lịch sử âm nhạc phương Tây I: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của nền âm nhạc châu Âu từ thời kỳ cổ đại cho tới nửa đầu thế kỷ XIX. Từ đó, sinh viên nắm được những đặc điểm chính quan điểm thẩm mỹ, bút pháp sáng tác trong từng thời kỳ, từng trường phái âm nhạc thông qua các nhạc sỹ tiêu biểu.

2.19. Lịch sử âm nhạc phương Tây II: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Âm nhạc phương tây I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của nền âm nhạc chuyên nghiệp châu Âu, Bắc Mỹ từ cuối thế kỷ XIX cho tới nửa sau thế kỷ XX. Trên cơ sở đó, sinh viên nắm được những đặc điểm chính về phong cách, quan điểm thẩm

mỹ cũng như bút pháp sáng tác trong từng thời kỳ, từng trường phái âm nhạc thông qua các nhạc sỹ tiêu biểu.

2.20. Lịch sử âm nhạc phương Đông: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển âm nhạc phương Đông từ thời nguyên thủy, cổ đại đến thời kỳ cận đại; về thể loại và những đặc trưng cơ bản trong âm nhạc các nước, các dân tộc, các khu vực thuộc phạm vi phương Đông, bao gồm: âm nhạc Trung Quốc; âm nhạc Ấn Độ; âm nhạc bán đảo Triều Tiên; âm nhạc Nhật Bản; âm nhạc khu vực Đông Nam Á.

2.21. Lịch sử âm nhạc Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam từ thời đại Hùng Vương đến nay, bao gồm: âm nhạc Việt Nam thời đại Hùng Vương và thời Bắc thuộc (từ cuối thế kỷ thứ III trước Công nguyên đến thế kỷ X sau Công nguyên); âm nhạc Việt Nam thời phong kiến (từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIX); âm nhạc Việt Nam thời Pháp thuộc (từ giữa thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng 8 năm 1945); âm nhạc Việt Nam từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 cho đến nay.

2.22. Âm nhạc truyền thống Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về âm nhạc dân gian và âm nhạc truyền thống, bao gồm các nội dung: tổng quan về âm nhạc người Việt, một số thể loại dân ca tiêu biểu (hát ru, đồng dao, hát giao duyên, hò, dân ca nghi lễ và phong tục); những kiến thức cơ bản về âm nhạc sân khấu (Chèo, Tuồng, Cải lương); các thể loại ca nhạc chuyên nghiệp cổ truyền chuyên nghiệp (hát xẩm, ca trù, ca Huế, hát Văn…); những nét khái quát về âm nhạc của các dân tộc thiểu số Việt Nam tiêu biểu ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ (Thái, Mường, H'Mông, Chăm, Banar, Êđê…. Tổng quan về nhạc khí và hệ nhạc cụ dân tộc Việt Nam (nguyên tắc phân loại nhạc cụ. Giới thiệu một số nhạc cụ tiêu biểu và phương thức tổ chức dàn nhạc trong âm nhạc dân gian và âm nhạc cung đình).

2.23. Piano I: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: củng cố, phát triển các dạng kỹ thuật của piano, các dạng kỹ thuật: chạy đơn nốt; chạy rải, quãng 8; hợp âm; gam ngũ cung; khả năng đàn phức điệu;

khả năng thể hiện các tác phẩm ở thể loại sonata thuộc các phong cách cổ điển, lãng mạn, cận đại, ấn tượng.

2.24. Phức điệu I: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về phức điệu: phức điệu tương phản, phức điệu mô phỏng, phức điệu nghiêm khắc; đối vị tương phản; một số hình thức mô phỏng; đối vị đảo ảnh; mối quan hệ giữa âm nhạc phức điệu và âm nhạc chủ điệu.

2.25. Phức điệu II: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Phức điệu I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử phức điệu; Fugue 3, 4 bè; phức điệu tự do: Invention, Fuga, Fughetta, Fugato; các thủ pháp phức điệu trong các tác phẩm cho thanh nhạc và khí nhạc; các phong cách âm nhạc phức điệu; thực hành viết Fugue 3, 4 bè.

2.26. Hòa âm II: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hòa âm I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về chuyển điệu cấp II từ điệu trưởng, điệu thứ, chuyển điệu cấp III từ điệu trưởng, điệu thứ; chuyển điệu đẳng âm; chuyển điệu đẳng âm qua hợp âm 7 giảm, hợp âm 7 át, hợp âm 3 tăng, bậc VI giáng (TSVI ♌), bậc II giáng (II ♌ Napoliten); phân tích hòa âm, thực hành hòa âm trên đàn các nội dung đã học; áp dụng các nội dung đã học trong học phần để sáng tác Prelude hòa âm.

2.27. Tính năng nhạc cụ phương tây: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về tính năng các nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng: các nhạc cụ kèn gỗ; các nhạc cụ kèn đồng; các nhạc cụ dây; đàn Arpa; các nhạc cụ gõ định âm; các nhạc cụ gõ không định âm; các kỹ năng phối hợp các nhạc cụ trên trong các tác phẩm.

2.28. Phối hợp xướng: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Ký - Xướng âm I; Hòa âm II; Phức điệu I; Lịch sử âm nhạc phương Tây I

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về tính năng giọng hát; những khái niệm cơ bản về nghệ thuật hợp xướng; phương pháp chuyển thể (arrangement); các thủ pháp hợp xướng cơ bản.

2.29. Phối khí I: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hòa âm I, II; Phức điệu I, II; Phân tích âm nhạc I và II; Tính năng nhạc cụ phương Tây.

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển dàn nhạc, các loại dàn nhạc; dàn nhạc giao hưởng và tổng phổ; cơ cấu tổ chức dàn nhạc giao hưởng nhỏ, vừa và lớn; vai trò của bộ dây trong dàn nhạc giao hưởng và các lối viết 1, 2, 3, 4 bè trong bộ dây; bộ gỗ trong dàn nhạc giao hưởng; hòa âm trong bộ gỗ; bộ gỗ đi giai điệu; bộ gỗ đi giai điệu với bè dây đệm; bộ gỗ đi đồng âm cùng loại và khác loại; dàn nhạc giao hưởng nhỏ.

2.30. Đọc tổng phổ: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: có kiến thức về Tính năng nhạc cụ Việt Nam

- Nội dung: những kiến thức, kỹ năng đọc tổng phổ dàn nhạc để có thể đánh trên đàn Piano phục vụ cho việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm, dàn dựng chỉ huy; cách đọc tổng phổ dàn nhạc và các nguyên tắc tổng hợp trên đàn Piano; cách đọc các loại khóa; cách đọc tổng phổ các bộ nhạc cụ; các nguyên tắc tổng hợp các bộ nhạc cụ; cách xác định âm thực của các nhạc cụ so với cách viết trên tổng phổ của các nhạc cụ phương Tây và Việt Nam.

2.31. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

- Thực tập chỉ huy tại các dàn nhạc chuyên nghiệp.

- Tham gia dàn dựng các chương trình nghệ thuật tại các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp.

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

1. Hướng dẫn xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo

1.1. Khi xây dựng chương trình đào tạo các trường cần phân chia tỷ lệ cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo phải thể hiện được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

1.2. Chương trình được thực hiện kết hợp giữa niên chế và học phần. Tùy điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quyết định chuyển đổi hình thức đào tạo sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ căn cứ vào các quy định hiện hành.

2. Khối lượng kiến thức tự chọn

2.1. Căn cứ quy định tại mục 2 (cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo) ngoài các học phần bắt buộc đã quy định tại mục III, các đơn vị học trình còn lại do các trường thiết kế và xây dựng, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 21 đvht

- Kiến thức ngành: 53 đvht

Hiệu trưởng các trường quyết định các học phần tự chọn sao cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm ngành nghề đào tạo của trường mình.

2.2. Giới thiệu chuyên ngành tự chọn, gồm các chuyên ngành: Chỉ huy dàn nhạc; Chỉ huy hợp xướng. Chuyên ngành có khối lượng kiến thức tối thiểu: 20 đvht.

3. Thang điểm đánh giá kết quả học tập được tính theo thang điểm: 10 điểm.

- Điểm trực tiếp của cán bộ giảng dạy được làm tròn đến một con số thập phân.

- Điểm trung bình của Hội đồng chấm thi được làm tròn đến hai con số thập phân.

- Điểm của các học phần sẽ được tích lũy thành điểm trung bình chung của từng năm để xếp loại học tập, xét học bổng hàng năm và được tích lũy toàn khóa để xếp loại tốt nghiệp.

4. Hình thức thi tốt nghiệp: Biểu diễn trực tiếp trước Hội đồng giám khảo; chương trình biểu diễn tốt nghiệp với thời gian tối thiểu 45 phút./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Đạo diễn sân khấu (Theatre Directing)

Mã ngành:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Đạo diễn sân khấu trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đạo diễn sân khấu, đáp ứng nhu cầu hoạt động sáng tác trong lĩnh vực sân khấu nói riêng và văn hóa nghệ thuật nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

2.2. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, hệ thống các kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức ngành Đạo diễn sân khấu ở trình độ đại học.

2.3. Kỹ năng

Có kỹ năng về nghệ thuật đạo diễn, có khả năng độc lập sáng tạo, tư duy khoa học và dàn dựng tác phẩm sân khấu thuộc các loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống và hiện đại.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 210 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc (đvht)	Kiến thức các trường thiết kế và xây dựng (đvht)	Tổng số (đvht)
2.1 Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	45	25	70
2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	86	54	140
- Kiến thức cơ sở ngành	40		
- Kiến thức ngành	26		
- Thực tập nghề nghiệp	10		
- Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp	10		
2.3. Tổng khối lượng	131	79	210

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

1. Danh mục các học phần bắt buộc

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 45 đvht*

1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
4	Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
6	Ngoại ngữ	10
7	Tin học đại cương	4
8	Lịch sử văn học Việt Nam	5
9	Lịch sử văn học thế giới	5
10	Giáo dục thể chất	5
11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết

* Chưa tính các học phần 10 và 11

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 86 đvht

1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành 40 đvht

1	Sân khấu học đại cương	2
2	Lịch sử sân khấu Việt Nam	3
3	Lịch sử sân khấu thế giới	4
4	Lý luận kịch	4
5	Phương pháp sân khấu truyền thống Việt Nam	3
6	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3
7	Phân tích tác phẩm văn học kịch	4
8	Mỹ thuật sân khấu	3
9	Tiếng nói sân khấu	4
10	Hình thể	4
11	Hóa trang sân khấu	3
12	Ánh sáng sân khấu	3

1.2.2. Kiến thức ngành 26 đvht

1	Đạo diễn 1	4
2	Đạo diễn 2	5
3	Đạo diễn 3	5
4	Diễn viên 1	4
5	Diễn viên 2	4
6	Diễn viên 3	4

1.2.3. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

1.2.4. Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp: 10 đvht

2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

2.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.4. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung:

+ Những quan điểm và nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa.

+ Vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội từng thời kỳ, từng giai đoạn).

+ Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo văn hóa.

+ Những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay.

+ Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

+ Phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa

tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể và xác định rõ những đặc điểm của vùng văn hóa ở Việt Nam.

2.6. Ngoại ngữ: 10 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông, sau khi hoàn thành học phần này phải đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level).

2.7. Tin học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu những khái niệm cơ bản về hệ điều hành, cấu tạo và cách sử dụng máy tính; xử lý văn bản, quản lý dữ liệu; giới thiệu về Internet và cách truy cập. Ngoài ra, giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng.

2.8. Lịch sử văn học Việt Nam: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức khái quát về quá trình phát triển của văn học Việt Nam; hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử. Gồm các phần:

+ Văn học dân gian Việt Nam: khái quát văn học dân gian Việt Nam và giới thiệu một số tác giả tiêu biểu.

+ Văn học trung đại Việt Nam: một số vấn đề về loại hình và lịch sử văn học trung đại.

+ Văn học hiện đại Việt Nam: khái quát văn học hiện đại Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến nay).

2.9. Lịch sử văn học thế giới: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của văn học trong lịch sử nhân loại qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kỳ cụ thể; rèn luyện kỹ năng khám phá bản chất thẩm mỹ của văn chương, cá tính sáng tạo và quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Gồm các phần:

+ Văn học cổ đại Hy Lạp.

+ Văn học thời kỳ Phục hưng.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVII.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVIII.

+ Văn học hiện thực Nga thế kỷ XIX.

+ Văn học lãng mạn Pháp thế kỷ XIX.

+ Văn học thế kỷ XX.

2.10. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường Đại học và Cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

2.11. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

2.12. Sân khấu học đại cương: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức tối thiểu về khoa học sân khấu, những thuộc tính căn bản và đặc trưng mang tính sân khấu.

2.13. Lịch sử sân khấu Việt Nam: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về quá trình hình thành, các bước phát triển quan trọng của nền sân khấu Việt Nam (tất cả kịch chủng) từ buổi phôi thai cho đến các giai đoạn phát triển rực rỡ nhất. Thông qua việc nghiên cứu học phần này, sinh viên có quyền tự hào về một nền sân khấu dân tộc và học tập trên nền tảng kinh nghiệm phong phú do cha ông truyền lại.

2.14. Lịch sử sân khấu thế giới: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về lịch sử phát triển của nghệ thuật sân khấu thế giới theo phân kỳ lịch sử nghệ thuật và tập trung giới thiệu nền sân khấu tiêu biểu của một số nước trong các giai đoạn phát triển khác nhau.

2.15. Lý luận kịch: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về lý luận kịch, đặc trưng của nghệ thuật kịch; hành động kịch, mâu thuẫn, xung đột kịch, ngôn ngữ đối thoại kịch..., với tư cách là tác phẩm văn chương viết cho sân khấu và các thể loại kịch.

2.16. Phương pháp sân khấu truyền thống Việt Nam: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những đặc trưng cơ bản về các loại hình sân khấu truyền thống Việt Nam; phương pháp sáng tác; kịch bản, sáng tạo trò diễn, đặc biệt là hình thức thể hiện trong nghệ thuật biểu diễn.

2.17. Phân tích tác phẩm âm nhạc: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về nguyên tắc kết cấu của các thể loại âm nhạc, trên cơ sở đó sinh viên phân tích các tác phẩm âm nhạc theo hình thức và thể loại từ đơn giản đến phức tạp, mối liên hệ mật thiết của các tác phẩm âm nhạc với nghệ thuật sân khấu, nhằm giúp sinh viên nâng cao năng lực cảm thụ âm nhạc và phát triển khả năng sáng tạo của đạo diễn trong xử lý âm nhạc sân khấu.

2.18. Phân tích tác phẩm văn học kịch: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận kịch

- Nội dung: những kiến thức về phân tích kịch bản như một tác phẩm văn học và tác phẩm sân khấu. Thông qua quá trình phân tích, sinh viên nâng cao năng lực cảm thụ về kịch bản văn học và khả năng nhận biết, đánh giá hành động thông qua sự phát triển của các mâu thuẫn, xung đột.

Đối tượng phân tích là những tác phẩm tiêu biểu nhất của mỗi trào lưu khuynh hướng sáng tác văn học kịch, sân khấu trên thế giới và Việt Nam.

2.19. Mỹ thuật sân khấu: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về mỹ thuật nói chung và mỹ thuật sân khấu nói riêng, giúp sinh viên hình thành tư duy hình tượng trong xử lý mỹ thuật sân khấu.

Đồng thời học phần cũng cung cấp những hiểu biết cơ bản trong vận dụng các yếu tố kỹ thuật vào giải quyết các vấn đề về không gian sân khấu.

2.20. Tiếng nói sân khấu: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Cung cấp những kiến thức về kỹ thuật lấy hơi nhả chữ nhằm giúp sinh viên đạt tới khả năng phát âm chuẩn tiếng Việt, những vấn đề về ngữ âm, giọng điệu và khả năng hóa trang giọng nói. Học phần chủ yếu tập trung đi sâu giải quyết những yêu cầu về xử ký ngôn từ dưới dạng hành động (hành động ngôn từ).

2.21. Hình thể: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về kỹ thuật giải phóng cơ bắp nhằm giúp sinh viên đạt tới sự linh hoạt, tăng cường sức bền bỉ của cơ thể và khả năng biểu cảm trong các động tác hình thể. Từ đó, sinh viên vận dụng ngôn ngữ hình thể trong xử lý các vấn đề về tạo hình khi xây dựng nhân vật, thể hiện hành động kịch, kết hợp giữa nội tâm với ngoại hình, xử lý các lớp diễn hình thể.

2.22. Hóa trang sân khấu: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức lý thuyết và thực hành về nghệ thuật hóa trang; giải phẫu cơ thể xương mặt, đầu tóc; khả năng vận dụng các chất liệu, vật liệu hóa trang để tạo nên những khuôn mặt phù hợp với tính cách, hình tượng nhân vật sẽ được khắc họa trên sân khấu.

2.23. Ánh sáng sân khấu: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về kỹ thuật và nghệ thuật chiếu sáng; các thể loại đèn chiếu sáng, kỹ thuật chiếu sáng trên sân khấu, qua đó giúp sinh viên có khả năng nhận biết về hiệu quả ánh sáng sân khấu và vận dụng nghệ thuật chiếu sáng vào các tác phẩm sân khấu.

2.24. Đạo diễn 1: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức lý thuyết và thực hành về hành động kịch; phương pháp khai thác, phát triển, tổ chức hành động trong hoàn cảnh quy định và tình huống được xác định. Phân tích hành động và thực hành rèn luyện kỹ năng thể

hiện hành động thông qua diễn xuất. Trong học phần này, sinh viên sẽ bắt đầu thực hành từ bài tập nhỏ, tiếp đến là tiểu phẩm tự sáng tác, dàn dựng và tự trình diễn trên sân khấu.

2.25. Đạo diễn 2: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Đạo diễn 1

- Nội dung: những kiến thức lý thuyết và thực hành về kỹ năng tổ chức sự kiện kịch; cấu trúc dòng sự kiện trong kịch; sự kiện khởi đầu, sự kiện trung tâm, sự kiện kết thúc; phân tích, đánh giá, xác định mối liên hệ giữa sự kiện, mâu thuẫn, xung đột trong sự phát triển của hành động kịch. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ thực hành sáng tạo thông qua các tiểu phẩm tự sáng tác, sau đó xây dựng tiểu phẩm từ các chất liệu là các tác phẩm văn học (trích đoạn từ truyện ngắn, tiểu thuyết).

2.26. Đạo diễn 3: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Đạo diễn 1 và 2

- Nội dung: những kiến thức về đạo diễn với kịch bản văn học; cảm hứng sáng tạo của đạo diễn bắt nguồn từ kịch bản văn học và được giới hạn trong những vấn đề của kịch bản; đạo diễn phân tích kịch bản để từ đó xác định: đề tài, chủ đề, tư tưởng chủ đề, mâu thuẫn, xung đột, đặc biệt là cấu trúc dòng sự kiện; xác định tuyến hành động, tính cách và những diễn biến trong đời sống nội tâm nhân vật kịch.

Bài tập thực hành được bắt đầu từ việc đọc kịch bản đến việc phân tích kịch bản; phân tích xác định mục tiêu nhiệm vụ trong từng trích đoạn, từ phân tích 1 cảnh đến phân tích cả kịch bản. Bài tập thực hành được thể hiện dưới ba hình thức; bài viết phân tích trên giấy, bài thảo luận trên lớp (Seminar), cuối cùng là bài tập trên sân khấu (trích đoạn).

2.27. Diễn viên 1: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức lý thuyết và thực hành về các kỹ năng cơ bản của nghệ thuật biểu diễn được thiết kế theo hệ thống các đơn nguyên; hành động, tập trung chú ý, tưởng tượng, giao lưu, phán đoán...; trong đó đặc biệt nhấn mạnh yếu tố hành động (hành động là ngôn ngữ chính của nghệ thuật biểu diễn).

Sinh viên rèn luyện kỹ năng thông qua các bài tập thực hành trên lớp, và các tiểu phẩm sân khấu do sinh viên tự sáng tác, bao gồm:

+ Bài tập về tập trung chú ý.

+ Bài tập về tưởng tượng.

+ Bài tập về giao lưu phán đoán.

+ Bài tập tổng hợp các yếu tố kỹ thuật tâm lý.

2.28. Diễn viên 2: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Diễn viên 1.

- Nội dung: tiếp tục nâng cao rèn luyện các kỹ năng, kỹ thuật tâm lý nhằm đạt tới tính chân thực, tính logic, tính tích cực và hiệu quả biểu cảm cao khi thực hiện hành động. Trong học phần này sinh viên sẽ sử dụng các chất liệu được tuyển chọn từ các tác phẩm văn học như truyện ngắn, tiểu thuyết để làm tiểu phẩm. Sinh viên sẽ dịch sang hành động sân khấu từ các chất liệu văn học, thông qua đó rèn luyện kỹ năng biểu diễn.

2.29. Diễn viên 3: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Diễn viên 1 và 2

- Nội dung: những kiến thức và kỹ năng cơ bản về diễn viên sáng tạo vai diễn thông qua nhân vật từ kịch bản văn học; nhận thức khái quát về kịch bản thông qua các yếu tố: chủ đề, tư tưởng chủ đề, mâu thuẫn, xung đột chính, dòng sự kiện, các tuyến hành động, hành động xuyên và phản hành động xuyên. Học phần tập trung vào kỹ năng phân tích nhân vật và hành động nhân vật; xác định dây chuyền hành động, hành động xuyên; vận dụng kỹ năng biểu diễn và luyện tập vai diễn trên sân khấu.

Bài tập thực hành: sinh viên chọn kịch bản và nhân vật yêu thích, phân tích trên văn bản sau đó trình bày trước tập thể lớp và luyện tập vai diễn thông qua trích đoạn.

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

1. Hướng dẫn xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo

1.1. Khi xây dựng chương trình đào tạo các trường cần phân chia tỷ lệ cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo phải thể hiện được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

1.2. Chương trình được thực hiện kết hợp giữa niên chế và học phần. Tùy điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quyết định chuyển đổi hình thức đào tạo sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ căn cứ vào các quy định hiện hành.

2. Khối lượng kiến thức tự chọn

2.1. Căn cứ quy định tại mục 2 (cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo) ngoài các học phần bắt buộc đã quy định tại mục III, các đơn vị học trình còn lại do các trường thiết kế và xây dựng, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 25 đvht

- Kiến thức ngành: 54 đvht

Hiệu trưởng các trường quyết định các học phần sao cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các chuyên môn sâu theo ngành nghề đào tạo của trường mình.

2.2. Giới thiệu chuyên ngành tự chọn

2.2.1. Chuyên ngành Đạo diễn Sân khấu

a) Đạo diễn 4: 5 đvht

- Nội dung: chuyển thể tác phẩm văn học (truyện, tiểu thuyết) sang kịch bản sân khấu; lựa chọn những tác phẩm văn học giàu tính kịch và dịch sang hành động những ý tưởng được diễn đạt bằng ngôn từ; trong đó tình huống kịch được duy trì, mâu thuẫn xung đột kịch được phát triển, hành động các nhân vật phát triển phong phú và thể hiện tính cách, những vấn đề về không gian, thời gian được giải quyết hợp lý, ý tưởng và xử lý đạo diễn ẩn sâu vào kết cấu kịch bản.

Bài tập thực hành; các bài tập về giải quyết không gian, thời gian sân khấu, sau đó người học sẽ lựa chọn tác phẩm văn học và bắt đầu việc chuyển thể (bài viết). Cuối cùng thực hành dàn dựng trên sân khấu.

b) Đạo diễn 5: 5 đvht

- Nội dung: đạo diễn với thiết kế mỹ thuật sân khấu; học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tạo hình và xử lý không gian sân khấu, về hình tượng mỹ thuật trong vở diễn sân khấu. Trên cơ sở kịch bản văn học, người học sẽ rèn luyện tư duy tạo hình và xây dựng ý đồ xử lý không gian trong vở diễn bằng ngôn ngữ nghệ thuật hội họa.

Đạo diễn với âm nhạc sân khấu; học phần gồm các nội dung cơ bản về vị trí vai trò của âm nhạc trong tác phẩm sân khấu; hình tượng âm nhạc trong hình tượng vở diễn và kỹ năng xử lý âm nhạc trong vở diễn.

Bài tập thực hành: người học chọn trích đoạn trong kịch bản sau đó dịch chuyển không gian xảy ra hành động kịch trên văn bản thành không gian cụ thể trên sân

khấu. Theo đó phần trang trí được sắp đặt phải gắn bó với hành động kịch và ý đồ dàn dựng. Sau các bài tập bằng trích đoạn, người học sẽ thực hành bài tập trên kịch bản hoàn chỉnh (Bài tập trên sân khấu hoặc trên giấy - makét).

Tương tự như bài tập thực hành về mỹ thuật, xử lý âm nhạc cũng tiến hành trên trích đoạn kịch bản, sau đó là kịch bản hoàn chỉnh.

c) Đạo diễn 6: 7 đvht

Nội dung: những vấn đề đạo diễn với nghệ thuật múa và các cảnh đông người; những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa trong vở diễn sân khấu và biện pháp xử lý các cảnh đông người, cụ thể:

+ Phối hợp ngôn ngữ động tác và âm nhạc trong tổ chức hành động kịch.

+ Bố cục, tạo hình trong các cảnh đông người và sự kết hợp toàn diện các loại hình nghệ thuật trong cảnh kịch đông người.

Bài tập thực hành sinh viên thực hành dàn dựng cảnh đông người trong đó có múa, âm nhạc, và các yêu cầu khác khi xử lý sân khấu.

d) Đạo diễn 7: 7 đvht

Nội dung: những kiến thức và kỹ năng cơ bản về dàn dựng một vở diễn hoàn chỉnh; cấu trúc và ý đồ dàn dựng; tính thống nhất trong vở diễn; những xử lý cơ bản nhằm tạo ra điểm nhấn về nghệ thuật dàn dựng; xây dựng kế hoạch dàn dựng; làm việc với diễn viên; hạt nhân hay cái thần của vở diễn; hình tượng vở diễn sân khấu.

Bài tập thực hành: sinh viên chọn kịch bản, xây dựng ý đồ dàn dựng và các biện pháp xử lý, làm việc với họa sĩ, biên đạo múa... tiếp đến sinh viên xây dựng kế hoạch đạo diễn (bài thực hành trên giấy - sau đó tổ chức seminar), cuối cùng là thực hành dàn dựng trên sân khấu một màn (nếu người học có điều kiện dàn dựng trọn vẹn cả vở).

e) Diễn viên 4: 5 đvht

Nội dung: những kiến thức và kỹ năng cơ bản về xây dựng hình tượng nhân vật trên sân khấu; ba bộ mặt cơ bản làm nên hình tượng nhân vật trên sân khấu; bộ mặt xã hội của hình tượng, bộ mặt tâm lý, bộ mặt hình thể; những vấn đề tính cách cá tính nhân vật.

Bài tập thực hành: sinh viên chọn kịch bản phân tích trên văn bản, sau đó trình bày trước tập thể lớp (Seminar), cuối cùng là luyện tập vai diễn trên sân khấu.

2.2.2. Chuyên ngành đạo diễn kịch nói.		
a	Đạo diễn kịch nói 1	5
b	Đạo diễn kịch nói 2	5
c	Đạo diễn kịch nói 3	5
d	Đạo diễn kịch nói 4	5
e	Đạo diễn kịch nói 5	5
2.2.3. Chuyên ngành đạo diễn kịch hát		
a	Đạo diễn kịch hát 1	5
b	Đạo diễn kịch hát 2	5
c	Đạo diễn kịch hát 3	5
d	Đạo diễn kịch hát 4	5
e	Đạo diễn kịch hát 5	5
2.2.4. Chuyên ngành đạo diễn kịch hình thể		
a	Đạo diễn kịch hình thể 1	5
b	Đạo diễn kịch hình thể 2	5
c	Đạo diễn kịch hình thể 3	5
d	Đạo diễn kịch hình thể 4	5
e	Đạo diễn kịch hình thể 5	5
2.2.5. Chuyên ngành đạo diễn sự kiện - lễ hội		
a	Đạo diễn sự kiện lễ hội 1	5
b	Đạo diễn sự kiện lễ hội 2	5
c	Đạo diễn sự kiện lễ hội 3	5
d	Đạo diễn sự kiện lễ hội 4	5
e	Đạo diễn sự kiện lễ hội 5	5
2.2.6. Chuyên ngành đạo diễn tạp kỹ		
a	Đạo diễn tạp kỹ 1	5
b	Đạo diễn tạp kỹ 2	5
c	Đạo diễn tạp kỹ 3	5
d	Đạo diễn tạp kỹ 4	5
e	Đạo diễn tạp kỹ 5	5

3. Thực tập tốt nghiệp: được thực hiện sau khi kết thúc học kỳ 7, nội dung: sinh viên thu thập tài liệu, thực tập nghề nghiệp, nghiên cứu mô hình các đoàn nghệ thuật, quy trình tổ chức dàn dựng vở, làm trợ lý đạo diễn, tham gia dàn dựng từng cảnh, tiến tới dàn dựng cả vở, chuẩn bị kế hoạch dựng vở tốt nghiệp.

4. Vở diễn và tiểu luận tốt nghiệp: được thực hiện ở học kỳ 8, sinh viên chọn vở, thông qua giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp. Sau đó, sinh viên lựa chọn đơn vị thực hiện và lên kế hoạch dàn dựng. Sau khi vở diễn hoàn thành, sinh viên diễn báo cáo trước hội đồng chấm thi tốt nghiệp và bảo vệ tiểu luận trước hội đồng chấm thi tốt nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Biên kịch điện ảnh - truyền hình (Screenplay Writing)

Mã ngành:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Biên kịch điện ảnh - truyền hình trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Biên kịch điện ảnh - truyền hình, đáp ứng nhu cầu hoạt động sáng tác trong lĩnh vực điện ảnh - truyền hình nói riêng và văn hóa nghệ thuật nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

2.2. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, hệ thống các kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức ngành Biên kịch điện ảnh - truyền hình ở trình độ đại học.

2.3. Kỹ năng

Có kỹ năng về sáng tác và biên tập các hình thức kịch bản điện ảnh - truyền hình; có khả năng độc lập sáng tạo, có tư duy khoa học và khả năng làm việc theo nhóm, tạo hiệu quả cao trong lĩnh vực Biên kịch điện ảnh - truyền hình.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 210 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc (đvht)	Kiến thức các trường thiết kế và xây dựng (đvht)	Tổng số (đvht)
2.1. Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	45	25	70
2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	81	59	140
- Kiến thức cơ sở ngành	37		
- Kiến thức ngành	24		
- Thực tập	10		
- Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp	10		
2.3. Tổng khối lượng	126	84	210

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

1. Danh mục các học phần bắt buộc

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 45 đvht*

1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
4	Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
6	Ngoại ngữ	10
7	Tin học đại cương	4
8	Lịch sử văn học Việt Nam	5
9	Lịch sử văn học thế giới	5
10	Giáo dục thể chất	5
11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết

* Chưa tính các học phần 10 và 11

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 81 đvht

1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành 37 đvht

1	Lịch sử điện ảnh Việt Nam	4
2	Lịch sử điện ảnh thế giới	5
3	Phân tích tác phẩm phim	3
4	Thực hành Phân tích tác phẩm phim	5
5	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam	2
6	Lịch sử nghệ thuật tạo hình thế giới	3
7	Nghiệp vụ diễn viên	3
8	Nghiệp vụ đạo diễn	3
9	Nghiệp vụ quay phim	3
10	Dựng phim	3
11	Quy trình công nghệ sản xuất phim	3

1.2.2. Kiến thức ngành 24 đvht

1	Kịch học điện ảnh	5
2	Biên tập kịch bản và phim	4
3	Nghiệp vụ biên kịch 1	5
4	Thực hành nghiệp vụ biên kịch 1	5
5	Nghiệp vụ biên kịch 2	5

1.2.3. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

1.2.4. Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp: 10 đvht

2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

2.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.4. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung:

+ Những quan điểm và nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa.

+ Vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội từng thời kỳ, từng giai đoạn).

+ Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo văn hóa.

+ Những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay.

+ Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

+ Phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa

tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể và xác định rõ những đặc điểm của vùng văn hóa ở Việt Nam.

2.6. Ngoại ngữ: 10 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông, sau khi hoàn thành học phần này phải đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level).

2.7. Tin học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu những khái niệm cơ bản về hệ điều hành, cấu tạo và cách sử dụng máy tính; xử lý văn bản, quản lý dữ liệu; giới thiệu về Internet và cách truy cập. Ngoài ra, giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng.

2.8. Lịch sử văn học Việt Nam: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức khái quát về quá trình phát triển của văn học Việt Nam; hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử. Gồm các phần:

+ Văn học dân gian Việt Nam: khái quát văn học dân gian Việt Nam và giới thiệu một số tác giả tiêu biểu.

+ Văn học trung đại Việt Nam: một số vấn đề về loại hình và lịch sử văn học trung đại.

+ Văn học hiện đại Việt Nam: khái quát văn học hiện đại Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến nay).

2.9. Lịch sử văn học thế giới: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của văn học trong lịch sử nhân loại qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kỳ cụ thể; rèn luyện kỹ năng khám phá bản chất thẩm mỹ của văn chương, cá tính sáng tạo và quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Gồm các phần:

+ Văn học cổ đại Hy Lạp.

+ Văn học thời kỳ Phục hưng.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVII.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVIII.

+ Văn học hiện thực Nga thế kỷ XIX.

+ Văn học lãng mạn Pháp thế kỷ XIX.

+ Văn học thế kỷ XX.

2.10. Giáo dục thể chất: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường Đại học và Cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

2.11. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

2.12. Lịch sử điện ảnh Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: quá trình hình thành và phát triển của điện ảnh Việt Nam qua những giai đoạn lịch sử; những đặc điểm cơ bản, những quy luật phát triển của nền điện ảnh Việt Nam; những vấn đề của điện ảnh Việt Nam trong những chặng đường phát triển, từ đó, giúp sinh viên hệ thống hóa quá trình hình thành và phát triển nền điện ảnh Việt Nam, làm cơ sở lý luận, nền tảng cho công việc sáng tạo trong quá trình phát triển nghề nghiệp của mình. Học phần gồm:

+ Phần I: Điện ảnh Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.

+ Phần II: Điện ảnh cách mạng Việt Nam sau Cách mạng tháng 8 đến năm 1975.

+ Phần III: Điện ảnh vùng tạm chiếm.

+ Phần IV: Điện ảnh Việt Nam từ 1975 đến nay.

2.13. Lịch sử điện ảnh thế giới: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những nét cơ bản của lịch sử hình thành và phát triển, những trào lưu và khuynh hướng sáng tác của nghệ thuật điện ảnh thế giới, đại diện một số nước, gồm:

+ Điện ảnh Pháp

+ Điện ảnh Mỹ

+ Điện ảnh Ý

+ Điện ảnh Liên Xô (cũ)

+ Giới thiệu một số nền điện ảnh các nước Tây Âu

+ Giới thiệu điện ảnh các nước châu Á.

2.14. Phân tích tác phẩm phim: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về việc lựa chọn một số phim tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam với các nội dung: nội dung tư tưởng, ý đồ nghệ thuật, phân tích cách tạo dựng hệ thống sự kiện xung đột, các hình thức xây dựng tính cách nhân vật trong tác phẩm điện ảnh, tính hiện thực và thực tế của phim lịch sử... Trên cơ sở đó, giúp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về nghề nghiệp phục vụ cho việc làm phim trong tương lai. Gồm các phần:

+ Cấu trúc - bố cục.

+ Hệ thống sự kiện.

+ Vấn đề xây dựng nhân vật (các mô hình, các thủ pháp xây dựng...).

+ Tính kịch trong điện ảnh.

+ Tính cách qua sự đối lập.

+ Hiện thực và thực tế.

+ Phim lịch sử.

+ Về ý nghĩa của các chi tiết.

2.15. Thực hành phân tích tác phẩm phim: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Phân tích tác phẩm phim.

- Nội dung: thực hành xem các thể loại phim tiêu biểu, viết bài phân tích phim; thảo luận về phim kinh điển và phim hiện đại và các vấn đề liên quan tới tác phẩm phim kinh điển và phim hiện đại dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

2.16. Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về nghệ thuật tạo hình Việt Nam, gồm 4 phần chính: nghệ thuật tạo hình trước năm 1945; nghệ thuật tạo hình trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; nghệ thuật tạo hình từ sau khi đất nước thống nhất; mối quan hệ giữa nghệ thuật tạo hình với các ngành nghệ thuật khác.

2.17. Lịch sử nghệ thuật tạo hình thế giới: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: học phần gồm 8 phần chính, gồm: nghệ thuật tạo hình thế giới thời Cổ đại; nghệ thuật tạo hình phương Đông; nghệ thuật tạo hình Hy Lạp; nghệ thuật tạo hình Rôman; nghệ thuật tạo hình Gôtích; nghệ thuật tạo hình thời Phục hưng; nghệ thuật tạo hình thế kỷ XVIII, XIX; nghệ thuật tạo hình hiện đại.

2.18. Nghiệp vụ diễn viên: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: nguồn gốc nghệ thuật biểu diễn; những quan điểm tiêu biểu về nghệ thuật diễn viên từ Diderot đến Stanislapxki; hành động là ngôn ngữ của nghệ thuật biểu diễn, phương tiện chủ yếu của diễn viên; xung đột và hành động; tổng hợp các yếu tố tâm lý, những yêu cầu về tính chân thực, hữu cơ, sức biểu cảm trong hành động, hình thể và tiếng nói.

2.19. Nghiệp vụ đạo diễn: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Nghiệp vụ đạo diễn: khái niệm nhập môn; lao động sáng tạo của đạo diễn; những nguyên lý cơ bản của nghiệp vụ Đạo diễn.

2.20. Nghiệp vụ quay phim: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ quay phim: khái niệm nhập môn; những nguyên lý cơ bản của nghiệp vụ quay phim; khuôn hình, cỡ cảnh; tính năng chung của ống kính quang học; hiệu quả màn ảnh của những ống kính tiêu cự khác nhau và cách ứng dụng các cỡ phim; động tác máy; các góc độ quay; xử lý ánh sáng và màu; vai trò sáng tạo của người quay phim; quay nhiều máy; quay đồng bộ.

2.21. Dựng phim: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: ngôn ngữ điện ảnh và những đặc trưng riêng biệt của nghệ thuật điện ảnh; dựng phim trong ngôn ngữ điện ảnh; dựng phim với quá trình phát triển lịch sử; thời kỳ (thống soái) của dựng phim; những tìm tòi sáng tạo về dựng phim ở thời kỳ phim câm; những tìm tòi sáng tạo về dựng phim ở thời kỳ phim có tiếng; những nguyên tắc cơ bản về dựng phim; dựng phim điện ảnh và dựng phim truyền hình.

2.22. Quy trình công nghệ sản xuất phim: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quy trình sản xuất phim hiện nay; khái quát về quá trình phát triển kỹ thuật điện ảnh và những thành tựu mới; những bước tiến mới trong kỹ thuật làm phim trên thế giới; trình độ sản xuất của bộ phận in tráng; thu thanh lồng tiếng; tổ chức sản xuất phim điện ảnh và tổ chức sản xuất phim truyền hình.

2.23. Kịch học điện ảnh: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: khái niệm về ngôn ngữ điện ảnh; các nguyên tắc trong sáng tác kịch bản; các loại và thể loại phim; tính cách nhân vật; kết cấu và cốt truyện; các nhân tố trong kịch bản điện ảnh; đưa tác phẩm văn học lên màn ảnh; mối quan hệ giữa điện ảnh và truyền hình.

2.24. Biên tập kịch bản và phim: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của người biên tập kịch bản và của người biên tập phim; phân biệt công tác biên tập điện ảnh với biên tập của các cơ quan xuất bản, báo chí; biên tập và tác giả kịch bản điện ảnh; biên tập và đạo diễn; biên tập trong quá trình sản xuất; bản giám định kịch bản điện ảnh, giám định phim.

2.25. Nghiệp vụ biên kịch 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: các bước sáng tác kịch bản; vấn đề đề tài, chủ đề; nhật ký sáng tác, sổ ghi chép, vấn đề chất liệu kịch bản; vấn đề thực tiễn cuộc sống; khái niệm về tiểu phẩm; tiểu phẩm câm, tiểu phẩm có âm thanh.

2.26. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: song song Nghiệp vụ biên kịch 1

- Nội dung: xem các thể loại phim điện ảnh; thảo luận về các thể loại phim đã xem; viết nhật ký sáng tác, sổ ghi chép; viết tiểu phẩm câm, tiểu phẩm có âm thanh.

2.27. Nghiệp vụ biên kịch 2: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ biên kịch 1

- Nội dung: khái niệm phim ngắn; kịch bản phim ngắn; phân tích chất liệu kịch bản phim ngắn; khái niệm về nhân vật điện ảnh, về kết cấu cốt truyện điện ảnh; xung đột trong kịch bản điện ảnh.

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ THIẾT KẾ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

1. Hướng dẫn xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo

1.1. Khi xây dựng chương trình đào tạo các trường cần phân chia tỷ lệ cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo phải thể hiện được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

1.2. Chương trình được thực hiện kết hợp giữa niên chế và học phần. Tùy điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quyết định chuyển đổi sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ căn cứ vào văn bản quy định hiện hành.

2. Khối lượng kiến thức tự chọn

2.1. Căn cứ quy định tại mục 2 (cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo) ngoài các học phần bắt buộc đã quy định tại mục III, các đơn vị học trình còn lại thuộc phần kiến thức tự chọn, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 25 đvht

- Kiến thức ngành: 59 đvht

Hiệu trưởng các trường quyết định các học phần tự chọn sao cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm ngành nghề đào tạo của trường mình.

2.2. Giới thiệu một số học phần tự chọn

2.2.1. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 2: 5 đvht

Nội dung: xem phim và thảo luận; đọc, phân tích kịch bản phim ngắn; viết đề cương kịch bản phim ngắn; viết kịch bản phim ngắn.

2.2.2. Nghiệp vụ biên kịch 3: 5 đvht

Nội dung: khái niệm về chuyển thể tác phẩm văn học sang điện ảnh; khái niệm về kịch bản điện ảnh phim truyện dài, đề cương kịch bản phim truyện dài; khái

niệm kịch bản phim truyện dài; các hình thức khác nhau của kịch bản phim truyện dài; vấn đề thể loại kịch bản phim truyện dài; đoạn và trường đoạn kịch bản phim truyện dài.

2.2.3. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 3: 5 đvht

Nội dung: đọc và phân tích các kịch bản chuyển thể phim truyện dài. Phân tích các trường đoạn. Phân tích các thể loại của kịch bản phim truyện dài. Viết đề cương kịch bản chuyển thể phim truyện dài. Viết kịch bản phim truyện dài chuyển thể từ tác phẩm văn học.

2.2.4. Nghiệp vụ biên kịch 4: 5 đvht

Nội dung: kịch bản phim truyện dài: kinh nghiệm sáng tác của các nhà biên kịch; yêu cầu của đề cương kịch bản tốt nghiệp; yêu cầu của kịch bản phim truyện tốt nghiệp.

2.2.5. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 4: 5 đvht

Nội dung: đọc và phân tích kịch bản phim truyện dài; phân tích kinh nghiệm sáng tác của các nhà biên kịch; viết đề cương phim truyện dài; viết kịch bản phim truyện dài.

2.2.6. Nghiệp vụ biên kịch 5: 5 đvht

Nội dung: tin ngắn và nguyên tắc viết tin ngắn; khái niệm về phim phóng sự và phim tài liệu; ý tưởng phim phóng sự và phim tài liệu; đề cương kịch bản phim phóng sự và phim tài liệu; các hình thức kịch bản phim tài liệu, phim quảng cáo, kịch bản phim quảng cáo; phim hoạt hình và kịch bản phim hoạt hình.

2.2.7. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 5: 5 đvht

Nội dung: phân tích tin ngắn; thực hành viết tin ngắn; đọc và phân tích đề cương kịch bản phim tài liệu và kịch bản phim tài liệu; viết ý tưởng phim phóng sự; viết ý tưởng phim tài liệu; viết đề cương phim phóng sự và đề cương phim tài liệu; viết kịch bản phim tài liệu; viết lời bình phim tài liệu; viết đề cương phim quảng cáo và kịch bản phim quảng cáo; viết đề cương phim hoạt hình và kịch bản phim hoạt hình.

2.2.8. Nghiệp vụ biên kịch 6: 5 đvht

Nội dung: đề cương kịch bản phim tài liệu dài tập; kịch bản phim tài liệu dài tập; đề cương kịch bản phim truyện dài tập; kịch bản phim truyện dài tập.

2.2.9. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 6: 5 đvht

Nội dung: đọc và phân tích kịch bản phim tài liệu truyền hình nhiều tập; đọc và phân tích kịch bản phim truyện truyền hình nhiều tập; thực hành viết đề cương kịch

bản và kịch bản phim tài liệu truyền hình nhiều tập; thực hành viết đề cương và thực hành viết kịch bản phim truyện truyền hình nhiều tập.

2.2.10. Nghiệp vụ biên kịch 7: 5 đvht

Nội dung: kỹ năng làm việc theo nhóm của người viết kịch bản; đảm nhận một tập hay một số tập trong kịch bản phim truyện truyền hình nhiều tập; đảm nhận phần thoại trong một kịch bản bộ phim nhiều tập; đảm nhận tình huống kịch trong một kịch bản bộ phim truyền hình nhiều tập; đảm nhận phần cấu trúc, bố cục trong một kịch bản bộ phim truyền hình nhiều tập; sự phối hợp giữa các tác giả trong một kịch bản bộ phim truyền hình nhiều tập.

2.2.11. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 7: 5 đvht

Nội dung: thực hành khả năng làm việc theo nhóm trong kịch bản một bộ phim truyền hình nhiều tập; thực hành khả năng viết dự án cho một ý tưởng phim; thực hành khả năng đàm phán, thuyết phục, kêu gọi tài trợ; thực hành khả năng làm việc với nhà sản xuất phim, với nhà tài trợ.

3. Thực tập tốt nghiệp: thực hiện sau khi kết thúc học kỳ 7, nội dung: thu thập tài liệu, thực tập nghề nghiệp, tìm kiếm sự ủng hộ, tài trợ đề tài tốt nghiệp.

4. Tác phẩm tốt nghiệp: thực hiện ở học kỳ 8, sinh viên thực hiện tác phẩm tốt nghiệp. Trong quá trình sinh viên thực hiện kịch bản tốt nghiệp, kịch bản có số trang đánh máy tối thiểu là 70 trang A4, tương đương với thời lượng một bộ phim truyện một tập. Nội dung kịch bản tốt nghiệp phải đúng với đề cương đã được hội đồng thông qua. Sinh viên bảo vệ trước hội đồng chấm thi tốt nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Biên kịch sân khấu (Play Writing)

Mã ngành:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình khung giáo dục đại học ngành Biên kịch sân khấu trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Biên kịch sân khấu, đáp ứng nhu cầu hoạt động sáng tác trong lĩnh vực sân khấu nói riêng và văn hóa nghệ thuật nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật.

2.2. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, hệ thống các kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức ngành Biên kịch sân khấu ở trình độ đại học.

2.3. Kỹ năng

Có kỹ năng về nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật Biên kịch sân khấu; có khả năng độc lập sáng tạo, tư duy khoa học, tạo hiệu quả trong lĩnh vực Biên kịch sân khấu.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 210 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc (đvht)	Kiến thức tự chọn (đvht)	Tổng số (đvht)
2.1. Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	45	25	70
2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	84	56	140
- Kiến thức cơ sở ngành	31		
- Kiến thức ngành	33		
- Thực tập nghề nghiệp	10		
- Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp	10		
2.3. Tổng khối lượng	129	81	210

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

1. Danh mục các học phần bắt buộc

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 45 đvht*

1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
4	Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
6	Ngoại ngữ	10
7	Tin học đại cương	4
8	Lịch sử văn học Việt Nam	5
9	Lịch sử văn học thế giới	5
10	Giáo dục thể chất	5
11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết

* Chưa tính các học phần 10 và 11

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 84 đvht

1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành 31 đvht

1	Phương pháp sân khấu truyền thống	3
2	Lý luận kịch	4
3	Lịch sử sân khấu Việt Nam 1	4
4	Lịch sử sân khấu Việt Nam 2	3
5	Lịch sử sân khấu thế giới	5
6	Nghệ thuật đạo diễn	3
7	Nghệ thuật diễn viên	3
8	Trang trí sân khấu	3
9	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3

1.2.2. Kiến thức ngành 33 đvht

1	Nghiệp vụ biên kịch 1	3
2	Thực hành nghiệp vụ biên kịch 1	5
3	Nghiệp vụ biên kịch 2	3
4	Thực hành nghiệp vụ biên kịch 2	5
5	Nghiệp vụ biên kịch 3	3
6	Thực hành nghiệp vụ biên kịch 3	5
7	Nghiệp vụ biên kịch 4	4
8	Thực hành nghiệp vụ biên kịch 4	5

1.2.3. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

1.2.4. Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp: 10 đvht

2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

2.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.4. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung:

+ Những quan điểm và nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa.

+ Vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội từng thời kỳ, từng giai đoạn).

+ Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo văn hóa.

+ Những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay.

+ Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

+ Phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa

tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể và xác định rõ những đặc điểm của vùng văn hóa ở Việt Nam.

2.6. Ngoại ngữ: 10 đvht

- Nội dung: những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông, sau khi hoàn thành học phần này phải đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level).

2.7. Tin học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu những khái niệm cơ bản về hệ điều hành, cấu tạo và cách sử dụng máy tính; xử lý văn bản, quản lý dữ liệu; giới thiệu về Internet và cách truy cập. Ngoài ra, giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng.

2.8. Lịch sử văn học Việt Nam: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức khái quát về quá trình phát triển của văn học Việt Nam; hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử. Gồm các phần:

+ Văn học dân gian Việt Nam: khái quát văn học dân gian Việt Nam và giới thiệu một số tác giả tiêu biểu.

+ Văn học trung đại Việt Nam: một số vấn đề về loại hình và lịch sử văn học trung đại.

+ Văn học hiện đại Việt Nam: khái quát văn học hiện đại Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến nay).

2.9. Lịch sử văn học thế giới: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của văn học trong lịch sử nhân loại qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kỳ cụ thể; rèn luyện kỹ năng khám phá bản chất thẩm mỹ của văn chương, cá tính sáng tạo và quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Gồm các phần:

+ Văn học cổ đại Hy Lạp.

+ Văn học thời kỳ Phục hưng.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVII.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVIII.

+ Văn học hiện thực Nga thế kỷ XIX.

+ Văn học lãng mạn Pháp thế kỷ XIX.

+ Văn học thế kỷ XX.

2.10. Giáo dục thể chất: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường Đại học và Cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

2.11. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

2.12. Phương pháp sân khấu truyền thống: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những đặc điểm của sân khấu truyền thống, khi chịu sự chi phối của hệ thống triết học, mỹ học phương Đông; phương pháp tái hiện thực cuộc sống với sự đan xen các yếu tố tự sự, kịch tính, trữ tình trong cấu trúc kịch bản văn học (tích trò); mối quan hệ giữa kịch bản văn học và nghệ thuật biểu diễn; giới thiệu và phân tích những nguyên tắc nghệ thuật như: tả thần, tả ý, khoa trương, cách điệu, nghệ thuật ước lệ; những nguyên tắc và đặc trưng trong nghệ thuật biểu diễn, múa, hát, âm nhạc, hóa trang.

2.13. Lý luận kịch: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về thể tài, tính thống nhất của kịch bản và vở diễn; về phương pháp luận để phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học kịch (kịch

nói, tuồng, chèo, cải lương...); những phong cách sáng tác, cá tính sáng tạo của nhà văn, nhà viết kịch.

2.14. Lịch sử sân khấu Việt Nam 1: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu các loại hình sân khấu truyền thống, những đặc trưng cơ bản, chủ yếu là kịch hát dân tộc để vận dụng, tiếp thu vốn quý của cha ông vào quá trình sáng tác, tạo ra bản sắc riêng của kịch bản Việt Nam.

2.15. Lịch sử sân khấu Việt Nam 2: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử sân khấu Việt Nam 1

- Nội dung: những giai đoạn hình thành và phát triển của sân khấu Việt Nam hiện đại; những thành quả và tồn tại của sân khấu cách mạng, trong đó có cả sân khấu truyền thống trong thời kỳ mới.

2.16. Lịch sử sân khấu thế giới: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu và hướng cho sinh viên nắm chắc về sự hình thành và phát triển của sân khấu thế giới qua mỗi thời đại, thời kỳ; đặc điểm riêng biệt của mỗi giai đoạn, mỗi nền sân khấu trên thế giới; giới thiệu những tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

2.17. Nghệ thuật đạo diễn: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giúp sinh viên nắm vững nhiệm vụ của người đạo diễn để từ đó hình thành mối quan hệ cộng tác giữa các thành phần sáng tạo vở diễn. Nội dung bao gồm:

+ Đạo diễn làm việc với người viết kịch bản - hình thành ý đồ vở diễn.

+ Đạo diễn làm việc với họa sỹ thiết kế sân khấu, thiết kế phục trang, đạo cụ, nhạc sỹ, biên đạo múa....

+ Đạo diễn làm việc với diễn viên.

+ Đạo diễn làm việc với âm thanh, ánh sáng.

+ Quá trình tập phác thảo.

+ Quá trình tập phối hợp.

+ Vở diễn ra đời: Kết quả của sự phối hợp đồng bộ giữa các thành phần sáng tạo.

2.18. Nghệ thuật diễn viên: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản của kỹ thuật biểu diễn, đặc biệt là quá trình khai thác và phát triển hành động khi diễn viên sáng tạo vai kịch. Nội dung bao gồm:

+ Những yếu tố cơ bản của kỹ thuật biểu diễn.

+ Hành động kịch: đi tìm hành động từ lời thoại của nhân vật trong hoàn cảnh quy định của kịch bản.

+ Khai thác hành động hình thể.

+ Khai thác hành động ngôn từ.

+ Xây dựng tính cách nhân vật.

+ Sáng tạo vai diễn - hình tượng nhân vật.

2.19. Trang trí sân khấu: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ của họa sĩ trang trí sân khấu; các công việc trang trí trong từng công đoạn và tổng thể từ việc xử lý kịch bản, ý đồ phác thảo, xử lý bối cảnh, đạo cụ, phục trang, hóa trang đến tính cách và tâm lý nhân vật; mối quan hệ sáng tác với các thành phần như: đạo diễn, diễn viên, biên kịch, kỹ thuật viên âm thanh - ánh sáng..., nhằm tạo nên sự thống nhất trong phong cách sáng tác cho một kịch bản sân khấu. Trong học phần ở từng thời điểm sinh viên sẽ được giới thiệu tiếp về công tác trang trí sân khấu hiện đại. Nội dung gồm:

+ Vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người họa sĩ trang trí sân khấu.

+ Xử lý tạo hình trang phục

+ Xử lý kịch bản văn học và phác thảo trang trí.

+ Quan hệ giữa họa sĩ trang trí với đạo diễn và diễn viên.

+ Công tác trang trí hiện nay.

2.20. Phân tích tác phẩm âm nhạc: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: kiến thức cơ bản về nguyên tắc kết cấu của các thể loại âm nhạc. Trên cơ sở đó, sinh viên phân tích được các tác phẩm âm nhạc ở các hình thức và thể loại từ đơn giản đến phức tạp, liên quan mật thiết với nghệ thuật sân khấu, giúp sinh viên nâng cao năng lực cảm thụ âm nhạc và phát triển tư duy biên kịch trong xử lý âm nhạc sân khấu.

2.21. Nghiệp vụ biên kịch 1: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: tính thuyết phục của tác phẩm kịch bản, gồm các phần:

+ Khái luận.

+ Tiếp thu sân khấu truyền thống trong kịch nói và sân khấu truyền thống thời đương đại.

+ Những đặc điểm chính của kịch bản sân khấu.

+ Cấu trúc kịch bản Kịch nói, kịch bản Chèo, kịch bản Tuồng, kịch bản Cải lương...

+ Sự khác biệt và tương đồng giữa kịch bản sân khấu và kịch bản sân khấu truyền thống.

+ Vấn đề đặt ra trong kịch bản với cuộc sống hôm nay.

+ Ý tưởng và thông điệp trong kịch bản.

+ Tính logic trong tâm lý nhân vật.

+ Tính hợp lý trong quá trình phát triển hành động kịch.

+ Tính hiệu quả của kịch bản đến với khán giả khi đặt trong hoàn cảnh tập thể sáng tạo.

+ Sân khấu với nhu cầu công chúng qua những dạng kịch bản.

2.22. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: song song Nghiệp vụ biên kịch 1

- Nội dung: phân tích tác phẩm sân khấu trong từng nội dung trên để sinh viên tự rút ra bài học qua hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

2.23. Nghiệp vụ biên kịch 2: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ biên kịch 1

- Nội dung: tình huống kịch, gồm các phần:

+ Khái niệm về tình huống kịch trong Kịch nói, Chèo, Tuồng, Cải lương...

+ Tình huống và sự kiện trong tác phẩm kịch bản sân khấu.

+ Những dạng tình huống thường sử dụng trong nghệ thuật biên kịch.

+ Chuẩn bị và tạo tình huống kịch.

+ Phát triển tình huống kịch.

+ Lớp mở đầu của kịch bản.

+ Tình huống bi, tình huống hài.

2.24. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 2: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: song song Nghiệp vụ biên kịch 2

- Nội dung: tiến hành làm những bài tập sáng tạo từ thấp đến cao và xây dựng tình huống, viết và trả bài bằng một tiểu phẩm 7 đến 15 trang đánh máy A4, tham dự thảo luận bài viết ở lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

2.25. Nghiệp vụ biên kịch 3: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ biên kịch 1, 2

- Nội dung: nhân vật kịch và hành động kịch, gồm các phần:

+ Khái niệm về nhân vật kịch và hành động kịch trong kịch nói, chèo, tuồng, cải lương...

+ Xây dựng và sáng tạo lý lịch nhân vật.

+ Nhân vật hài và nhân vật bi.

+ Mối quan hệ nhân vật trong kịch bản và sự phát triển hành động.

+ Nhân vật chính, nhân vật phụ và hành động kịch trong kịch bản.

+ Tuyến nhân vật và dạng (nhân vật thứ ba) tác động đến các nhân vật với sự đột biến của hành động kịch.

+ Tính cách nhân vật.

+ Sự va chạm tính cách và sự phát triển hành động kịch.

2.26. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 3: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: song song Nghiệp vụ biên kịch 3

- Nội dung: xây dựng nhân vật và viết tiểu phẩm hoặc có thể viết kịch ngắn, tham dự thảo luận bài viết ở lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

2.27. Nghiệp vụ biên kịch 4: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ biên kịch 1, 2 và 3

- Nội dung: xung đột kịch; hành động kịch, gồm các phần:

+ Khái niệm về xung đột kịch trong kịch bản Kịch nói, Chèo, Tuồng, Cải lương...

+ Xung đột kịch và mâu thuẫn.

+ Những hình thái xung đột: xấu - tốt, xấu - xấu và tốt - tốt.

+ Xung đột giữa nhân vật với nhân vật.

+ Xung đột giữa nhân vật với hoàn cảnh.

+ Xung đột nội tâm.

+ Tính mục đích và phát triển xung đột kịch.

+ Sự hình thành và phát triển xung đột kịch.

+ Giải quyết xung đột kịch.

2.28. Thực hành nghiệp vụ biên kịch 4 : 5 đvht

Nội dung: luyện kỹ năng viết kịch, sửa chữa, nâng cao, phát triển tiểu phẩm đã viết thành kịch ngắn, kết thúc học kỳ trả bài bằng một kịch ngắn, tham dự thảo luận bài viết ở lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

1. Hướng dẫn xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo

1.1. Khi xây dựng chương trình đào tạo các trường cần phân chia tỷ lệ cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo phải thể hiện được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

1.2. Chương trình được thực hiện kết hợp giữa niên chế và học phần. Tùy điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quyết định chuyển đổi hình thức đào tạo sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ căn cứ vào các quy định hiện hành.

2. Khối lượng kiến thức tự chọn

2.1. Căn cứ quy định tại mục 2 (cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo) ngoài các học phần bắt buộc đã quy định tại mục III, các đơn vị học trình còn lại do các trường thiết kế và xây dựng, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 25 đvht

- Kiến thức ngành: 56 đvht

Hiệu trưởng các trường quyết định các học phần tự chọn sao cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm ngành nghề đào tạo của trường mình.

2.2. Giới thiệu chuyên ngành tự chọn

2.2.1. Chuyên ngành Biên kịch sân khấu

a) Nghiệp vụ biên kịch 5: 5 đvht

Nội dung: cốt truyện kịch, gồm các phần:

- So sánh cốt truyện kịch nói và cốt truyện kịch hát.

- Những dạng cốt truyện kịch của kịch nói, chèo, tuồng, cải lương...

- Từ thực tế sáng tác tiểu phẩm và kịch ngắn, giảng viên hướng sinh viên tự rút ra bài học về xây dựng cốt truyện kịch.

- (Câu chuyện) và cốt truyện kịch.

- (Câu chuyện) tiếp nhận từ cuộc sống và việc xây dựng cốt truyện kịch.

- Cấu tứ kịch.

- Sự hình thành cốt truyện: từ một câu chuyện, từ nhân vật, từ vấn đề (kịch chính luận)...

- Phân tích sự kiện và tổ chức xung đột trong cốt truyện.

- Xây dựng tình huống và xung đột trong cốt truyện kịch.

- Xây dựng hệ thống nhân vật trong cốt truyện kịch

- Bố cục cốt truyện kịch

b) Thực hành nghiệp vụ biên kịch 5: 5 đvht

- Nội dung: xây dựng đề cương kịch bản dài, tham dự thảo luận đề cương kịch bản dài ở lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

c) Nghiệp vụ biên kịch 6: 5 đvht

- Nội dung: ngôn ngữ kịch, gồm các phần:

+ Ngôn ngữ kịch của kịch nói, chèo, tuồng, cải lương...

+ Lời tác giả và lời nhân vật.

+ Ngôn ngữ nhân vật và lý lịch nhân vật.

+ Ngôn ngữ giao đãi.

+ Tính thông tin trong lời thoại.

+ Tính hành động trong ngôn ngữ kịch.

+ Lời ngầm.

+ Ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ đời thường trong tác phẩm kịch bản.

+ Ngôn ngữ cách điệu trong kịch bản kịch hát.

d) Thực hành nghiệp vụ biên kịch 6: 5 đvht

- Nội dung: viết hoàn chỉnh cảnh đầu của đề cương kịch dài, tham dự thảo luận ở lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

e) Chuyên đề: 5 đvht

Nội dung, bao gồm:

- Chuyên đề 1: Biên kịch sân khấu kịch nói.
- Chuyên đề 2: Biên kịch sân khấu Chèo.
- Chuyên đề 3: Biên kịch sân khấu Cải lương.
- Chuyên đề 4: Biên kịch sân khấu Tuồng.
- Chuyên đề 5: Các ngành nghệ thuật khác.

2.2.2. Chuyên ngành thuộc ngành Biên kịch sân khấu

1. Chuyên ngành Biên kịch sân khấu kịch nói, gồm các học phần		
a	Biên kịch sân khấu Kịch nói 1	5
b	Biên kịch sân khấu Kịch nói 2	5
c	Biên kịch sân khấu Kịch nói 3	5
d	Biên kịch sân khấu Kịch nói 4	5
e	Biên kịch sân khấu Kịch nói 5	5
f	Biên kịch sân khấu Kịch nói 6	5
2. Chuyên ngành Biên kịch sân khấu Chèo, gồm các học phần		
a	Biên kịch sân khấu Chèo 1	5
b	Biên kịch sân khấu Chèo 2	5
c	Biên kịch sân khấu Chèo 3	5
d	Biên kịch sân khấu Chèo 4	5
e	Biên kịch sân khấu Chèo 5	5
f	Biên kịch sân khấu Chèo 6	5
3. Chuyên ngành Biên kịch sân khấu Cải lương, gồm các học phần		
a	Biên kịch sân khấu Cải lương 1	5
b	Biên kịch sân khấu Cải lương 2	5
c	Biên kịch sân khấu Cải lương 3	5
d	Biên kịch sân khấu Cải lương 4	5
e	Biên kịch sân khấu Cải lương 5	5
f	Biên kịch sân khấu Cải lương 6	5
4. Chuyên ngành Biên kịch sân khấu Tuồng, gồm các học phần		
a	Biên kịch sân khấu Tuồng 1	5
b	Biên kịch sân khấu Tuồng 2	5

c	Biên kịch sân khấu Tuồng 3	5
d	Biên kịch sân khấu Tuồng 4	5
e	Biên kịch sân khấu Tuồng 5	5
f	Biên kịch sân khấu Tuồng 6	5

3. Thực tập tốt nghiệp: được thực hiện sau khi kết thúc học kỳ 7, nội dung: thu thập tài liệu, thực tập nghề nghiệp, nghiên cứu mô hình tổ chức liên quan đến đề tài tốt nghiệp.

4. Kịch bản tốt nghiệp: được thực hiện ở học kỳ 8, sinh viên nhận đề tài về kịch bản tốt nghiệp. Nội dung kịch bản được quy định có độ dài tối thiểu 60 trang A4 trở lên và phải đúng với đề cương đã được hội đồng thông qua. Sinh viên bảo vệ trước hội đồng chấm thi tốt nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Diễn viên sân khấu kịch hát
(Acting for Traditional Theatre)

Mã ngành:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Diễn viên sân khấu kịch hát trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Diễn viên sân khấu kịch hát, đáp ứng nhu cầu hoạt động biểu diễn trong các lĩnh vực kịch hát dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật.

2.2. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, hệ thống các kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức ngành Diễn viên sân khấu kịch hát ở trình độ đại học.

2.3. Kỹ năng

Có kỹ năng về nghệ thuật biểu diễn kịch hát; có khả năng độc lập sáng tạo vai diễn và tư duy khoa học; có năng lực biểu diễn thể hiện vai diễn trong các lĩnh vực kịch hát dân tộc.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 210 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc (đvht)	Kiến thức các trường thiết kế và xây dựng (đvht)	Tổng số (đvht)
2.1. Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	45	25	70
2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	82	58	140
- Kiến thức cơ sở ngành	23		
- Kiến thức ngành	39		
- Thực tập nghề nghiệp	10		
- Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp	10		
2.3. Tổng khối lượng	127	83	210

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

1. Danh mục các học phần bắt buộc

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 45 đvht*

1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
4	Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
6	Ngoại ngữ	10
7	Tin học đại cương	4
8	Lịch sử văn học Việt Nam	4
9	Lịch sử sân khấu Việt Nam	3
10	Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam	3
11	Giáo dục thể chất	5
12	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết

* Chưa tính các học phần 11 và 12

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 82 đvht

1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành 23 đvht

1	Âm nhạc cơ bản	5
2	Hóa trang	4
3	Phương pháp sân khấu dân tộc	4
4	Múa cơ huấn	5
5	Thanh nhạc	5

1.2.2. Kiến thức ngành 39 đvht

1	Ca hát 1	5
2	Ca hát 2	5
3	Ca hát 3	5
4	Ca hát 4	5
5	Múa cơ bản 1	5
6	Biểu diễn 1	5
7	Biểu diễn 2	5
8	Biểu diễn 3	4

1.2.3. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

1.2.4. Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp: 10 đvht

2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

2.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý

luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.4. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung:

+ Những quan điểm và nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về văn hóa.

+ Vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội từng thời kỳ, từng giai đoạn).

+ Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo văn hóa.

+ Những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay.

+ Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

+ Phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể và xác định rõ những đặc điểm của vùng văn hóa ở Việt Nam.

2.6. Ngoại ngữ: 10 đvht

- Nội dung: những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông, sau khi hoàn thành học phần này phải đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level).

2.7. Tin học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu những khái niệm cơ bản về hệ điều hành, cấu tạo và cách sử dụng máy tính; xử lý văn bản, quản lý dữ liệu; giới thiệu về Internet và cách truy cập. Ngoài ra, giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng.

2.8. Lịch sử văn học Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức khái quát về quá trình phát triển của văn học Việt Nam; hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử. Gồm các phần:

+ Văn học dân gian Việt Nam: khái quát văn học dân gian Việt Nam và giới thiệu một số tác giả tiêu biểu.

+ Văn học trung đại Việt Nam: một số vấn đề về loại hình và lịch sử văn học trung đại.

+ Văn học hiện đại Việt Nam: khái quát văn học hiện đại Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến nay).

2.9. Lịch sử sân khấu Việt Nam: 3đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu quá trình hình thành và những giai đoạn phát triển quan trọng (trong mọi mặt hoạt động như soạn kịch, biểu diễn và sau này là đạo diễn...) của nền sân khấu Việt Nam.

2.10. Lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu cho sinh viên về nghệ thuật tạo hình Việt Nam, gồm 4 phần chính: nghệ thuật tạo hình trước năm 1945; nghệ thuật tạo hình trong kháng

chiến chống Pháp và chống Mỹ; nghệ thuật tạo hình từ sau khi đất nước thống nhất; mối quan hệ giữa nghệ thuật tạo hình với các ngành nghệ thuật khác.

2.11. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường Đại học và Cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

2.12. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

2.13. Âm nhạc cơ bản: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu những kiến thức cơ bản về âm nhạc, những khái niệm cụ thể về cao độ, trường độ, quãng, hợp âm, tiết tấu, gam, điệu thức, giọng và một số ký hiệu, thuật ngữ thông thường sử dụng trong âm nhạc.

2.14. Hóa trang: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: học phần được chia làm hai phần, gồm:

+ Phần 1: giới thiệu các loại phấn định trang; trang điểm để tôn vẻ đẹp các loại gương mặt.

+ Phần 2: hóa trang các loại mặt ở các độ tuổi khác nhau; hóa trang các loại mặt có tính cách cụ thể ở các dạng nhân vật của nghệ thuật sân khấu kịch hát dân tộc.

2.15. Phương pháp sân khấu dân tộc: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cốt lõi về tiền đề triết học; những quan điểm về cái đẹp phương Đông; những phương pháp, thủ pháp, phương thức thể hiện của nghệ thuật sân khấu.

2.16. Múa cơ huấn: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về khởi động khớp, giải phóng gân bắp, luật cân bằng, luật chuyển động; những động tác hình thể tạo sự mềm mại, dẻo dai trong mọi hoạt động của hình thể.

2.17. Thanh nhạc: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những khái niệm cụ thể về thanh nhạc và kỹ thuật thanh nhạc; phương pháp luyện thanh và hệ thống kỹ thuật cơ bản của nghệ thuật ca hát; cách xử lý các loại kỹ thuật luyến âm, nhấn âm, rung âm nhả chữ… để lột tả rõ tính chất của từng điệu ca hát.

2.18. Ca hát 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức và kỹ năng cơ bản, giúp sinh viên luyện tập giọng hát nhằm mở rộng tầm cữ, chất giọng vang sáng, cơ cấu phát âm và các xoang tạo ra độ vang của tiếng nói; các loại kỹ thuật phát âm tạo sự tròn vành, rõ chữ trong giọng hát; một số phương pháp bảo vệ bộ phận phát âm, gìn giữ cổ họng và giọng hát; thực hành một số bài tập về làn điệu.

2.19. Ca hát 2: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Ca hát 1

- Nội dung: những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hệ thống các làn điệu ca; giới thiệu về phương pháp luyện giọng truyền thống; thực hành một số bài tập về làn điệu.

2.20. Ca hát 3: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Ca hát 1 và 2

- Nội dung: những kiến thức về kỹ thuật rung luyến, chạy chữ, lách nhịp, tiết tấu, phân biệt tính chất giữa các giọng; nâng cao kỹ thuật một số làn điệu; thực hành một số bài tập về làn điệu.

2.21. Ca hát 4: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Ca hát 1, 2 và 3

- Nội dung: những kiến thức về nghệ thuật ca hát và giai điệu, phương pháp nhả chữ, nhấn từ, buông câu để đạt được sự mềm mại, sâu lắng. Thông qua, sinh viên nắm được kỹ thuật của một số làn điệu và thực hành.

2.22. Múa cơ bản 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu luật chuyển động của hình thể diễn viên; trang bị cho sinh viên những bài tập khi di chuyển, đi đứng, chạy nhảy tới lui, quay vòng một cách uyển chuyển, nhẹ nhàng và linh hoạt.

2.23. Biểu diễn 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: kỹ thuật tâm lý: khái niệm về nghệ thuật sân khấu, hành động sân khấu; quá trình hành động, xây dựng tiểu phẩm; kỹ thuật biểu diễn cơ bản: quá trình rèn luyện của người diễn viên. Sinh viên học lý thuyết song song với thực hành có sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn trên sàn diễn.

2.24. Biểu diễn 2: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Biểu diễn 1

- Nội dung: kỹ thuật tâm lý: xây dựng nội dung tiểu phẩm, tiểu phẩm tổng hợp có bài ca; những đặc điểm của nghệ thuật biểu diễn, các loại động tác trong nghệ thuật biểu diễn, điều độ sân khấu. Sinh viên được thực hành một số bài tập theo nội dung của học phần biểu diễn 2 với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn trên sàn diễn (học kết hợp song song với lý thuyết).

2.25. Biểu diễn 3: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Biểu diễn 1 và 2

- Nội dung: trích đoạn và vai mẫu; thông qua một số nhân vật điển hình.

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ THIẾT KẾ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

1. Hướng dẫn tổ chức đào tạo

1.1. Khi xây dựng chương trình đào tạo các trường cần phân chia tỷ lệ cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo phải thể hiện được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

1.2. Chương trình được thực hiện kết hợp giữa niên chế và học phần. Tùy điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quyết định chuyển đổi sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ căn cứ vào văn bản quy định hiện hành.

2. Khối lượng kiến thức tự chọn

2.1. Căn cứ quy định tại mục 2 (cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo), ngoài các học phần bắt buộc đã quy định tại mục III, các đơn vị học trình còn lại thuộc phần kiến thức tự chọn, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 25 đvht

- Kiến thức ngành: 58 đvht

Hiệu trưởng các trường quyết định các học phần tự chọn sao cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm ngành nghề đào tạo của trường mình.

2.2. Giới thiệu một số học phần tự chọn

2.2.1. Ca hát 5: 5 đvht

Nội dung: giới thiệu nghệ thuật ca hát: ca nữ, ca nam, ca chung nam - nữ; thông qua kỹ thuật một số làn điệu; thực hành một số bài tập.

2.2.2. Múa cơ bản 2: 5 đvht

Nội dung: giới thiệu múa biểu tượng: mỗi động tác đều mô phỏng hình tượng; múa trong động tác như: vị trí quan trọng của động tác, mức cách điệu trong động tác; thực hành một số bài tập về múa biểu tượng và múa trong động tác hình thể.

2.2.3. Múa cơ bản 3: 5 đvht

Nội dung: giới thiệu múa võ nghệ thuật, múa đạo cụ; tổ hợp động tác múa tính cách và đạo cụ; thực hành một số bài tập về múa võ nghệ thuật, múa đạo cụ và múa tính cách.

2.2.4. Thực hành biểu diễn 3: 5 đvht

- Nội dung: sinh viên được thực hành một số bài tập theo nội dung của học phần biểu diễn 3 với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn trên sàn diễn (học kết hợp song song với lý thuyết).

2.2.5. Biểu diễn 4: 3 đvht

- Nội dung: trích đoạn và vai mẫu; kỹ thuật biểu diễn một số nhân vật được trích ra từ các vở diễn truyền thống.

2.2.6. Thực hành biểu diễn 4: 5 đvht

- Nội dung: sinh viên thực hành một số bài tập theo nội dung của học phần biểu diễn 4 với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn trên sàn diễn (học kết hợp song song với lý thuyết).

2.2.7. Biểu diễn 5: 5 đvht

Nội dung: trích đoạn và vai mẫu; sáng tạo hình tượng nhân vật.

2.2.8. Thực hành biểu diễn 5: 5 đvht

Nội dung: sinh viên được thực hành một số bài tập theo nội dung của học phần kỹ thuật biểu diễn 5 với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn trên sàn diễn (học kết hợp song song với lý thuyết).

2.2.9. Biểu diễn 6: 5 đvht

Nội dung: trích đoạn và vai mẫu; mô hình nhân vật, phương pháp chuyển hóa mô hình, nhân vật.

2.2.10. Thực hành biểu diễn 6: 5 đvht

Nội dung: sinh viên thực hành một số bài tập theo nội dung của học phần biểu diễn 6 với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn trên sàn diễn, học kết hợp song song với lý thuyết.

2.2.11. Biểu diễn 7: 5 đvht

Nội dung: đọc kịch bản, phân tích kịch bản, làm lý lịch nhân vật, thoại lời kịch bản, tự lồng điệu bài hát; phân tích nội dung và chủ đề tư tưởng của kịch bản.

2.2.12. Thực hành biểu diễn 7: 5 đvht

Nội dung: sinh viên thực hành một số bài tập theo nội dung của học phần biểu diễn 7, đồng thời thực hiện bài tập sáng tạo - phối hợp với dàn nhạc.

3. Thực tập tốt nghiệp: được thực hiện sau khi kết thúc học kỳ 7, nội dung: thực tập nghề nghiệp, tham khảo phong cách nghệ thuật của các nhà hát, đơn vị nghệ thuật.

4. Dựng vở tốt nghiệp: được thực hiện ở học kỳ 8, sinh viên được nhận vai diễn trong vở tốt nghiệp theo sự phân công của khoa. Chương trình tốt nghiệp sẽ theo một trong hai hướng: một vở cổ hay một vở hiện đại, hoặc đồng thời cả hai. Sinh viên thực hiện diễn theo vai diễn có trong vở dựng tốt nghiệp trước hội đồng chấm thi tốt nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Lý luận và phê bình điện ảnh - truyền hình

(Film and Television Theory and Criticism)

Mã ngành:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Lý luận và phê bình điện ảnh - truyền hình trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lý luận phê bình điện ảnh - truyền hình, đáp ứng nhu cầu hoạt động sáng tác trong các lĩnh vực điện ảnh - truyền hình nói riêng và văn hóa nghệ thuật nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật.

2.2. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, hệ thống các kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức ngành Lý luận và phê bình điện ảnh - truyền hình ở trình độ đại học.

2.3. Kỹ năng

Có kỹ năng về nghệ thuật điện ảnh - truyền hình và nghệ thuật Lý luận phê bình điện ảnh - truyền hình, có khả năng độc lập sáng tạo, có tư duy khoa học, tạo hiệu quả cao trong lĩnh vực Lý luận và phê bình điện ảnh - truyền hình.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 210 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc (đvht)	Kiến thức tự chọn (đvht)	Tổng số (đvht)
2.1. Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	45	25	70
2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	83	57	140
- Kiến thức cơ sở ngành	35		
- Kiến thức ngành	28		
- Thực tập	10		
- Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp	10		
2.3. Tổng khối lượng	128	82	210

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

1. Danh mục các học phần bắt buộc

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 45 đvht*

1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
4	Đường lối Văn hóa - Văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
6	Ngoại ngữ	10
7	Tin học đại cương	4
8	Lịch sử văn học Việt Nam	5
9	Lịch sử văn học thế giới	5
10	Giáo dục thể chất	5
11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết

* Chưa tính các học phần 10 và 11.

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 83 đvht

1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành 35 đvht

1	Lịch sử sân khấu Việt Nam	3
2	Lịch sử sân khấu thế giới	4
3	Nghệ thuật đạo diễn	3
4	Nghệ thuật quay phim	3
5	Nghiệp vụ báo chí	3
6	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh	3
7	Âm thanh điện ảnh	2
8	Nhạc phim	2
9	Dựng phim	2
10	Kịch học điện ảnh	5
11	Biên tập kịch bản và phim	5

1.2.2. Kiến thức ngành 28 đvht

1	Lý luận điện ảnh	5
2	Lịch sử điện ảnh Việt Nam 1	5
3	Lịch sử điện ảnh thế giới 1	5
4	Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 1	4
5	Thực hành nghiệp vụ phê bình điện ảnh 1	5
6	Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 2	4

1.2.3. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

1.2.4. Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp: 10 đvht

2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

2.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.4. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung:

+ Những quan điểm và nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa.

+ Vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội từng thời kỳ, từng giai đoạn).

+ Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo văn hóa.

+ Những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay.

+ Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

+ Phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa

tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể và xác định rõ những đặc điểm của vùng văn hóa ở Việt Nam.

2.6. Ngoại ngữ: 10 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông, sau khi hoàn thành học phần này phải đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level).

2.7. Tin học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu những khái niệm cơ bản về hệ điều hành, cấu tạo và cách sử dụng máy tính; xử lý văn bản, quản lý dữ liệu; giới thiệu về Internet và cách truy cập. Ngoài ra, giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng.

2.8. Lịch sử văn học Việt Nam: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức khái quát về quá trình phát triển của văn học Việt Nam; hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử, gồm:

+ Văn học dân gian Việt Nam: khái quát văn học dân gian Việt Nam và giới thiệu một số tác giả tiêu biểu.

+ Văn học trung đại Việt Nam: một số vấn đề về loại hình và lịch sử trung đại.

+ Văn học hiện đại Việt Nam: khái quát văn học hiện đại Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến nay).

2.9. Lịch sử văn học thế giới: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của văn học trong lịch sử nhân loại qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kỳ cụ thể; rèn luyện kỹ năng khám phá bản chất thẩm mỹ của văn chương, cá tính sáng tạo và quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Gồm các phần:

+ Văn học cổ đại Hy Lạp.

+ Văn học thời kỳ Phục hưng.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVII.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVIII.

+ Văn học hiện thực Nga thế kỷ XIX.

+ Văn học lãng mạn Pháp thế kỷ XIX.

+ Văn học thế kỷ XX.

2.10. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường Đại học và Cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

2.11. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

2.12. Lịch sử sân khấu Việt Nam: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu quá trình hình thành, các bước phát triển quan trọng của nền sân khấu Việt Nam (tất cả các kịch chủng) từ buổi phôi thai cho đến các giai đoạn phát triển rực rỡ nhất. Thông qua việc nghiên cứu học phần này, sinh viên có quyền tự hào về một nền sân khấu dân tộc và học tập trên nền tảng kinh nghiệm phong phú do cha ông truyền lại.

2.13. Lịch sử sân khấu thế giới: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Sân khấu cổ đại Hy Lạp; sân khấu phục hưng; sân khấu chủ nghĩa cổ điển Pháp; sân khấu thời đại khai sáng; sân khấu của một số nước Tây Âu Thế kỷ XIX - XX (từ 1871 đến 1917); sân khấu của một số nước Tây Âu và Mỹ từ 1917 đến 1945; sân khấu Nga Xô Viết; sân khấu một số nước Châu Á.

2.14. Nghệ thuật đạo diễn: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: khái niệm nhập môn; lao động sáng tạo của đạo diễn; chi tiết trong điện ảnh; dàn cảnh điện ảnh; cách quan sát và ghi hình; nghệ thuật Môngta.

2.15. Nghệ thuật quay phim: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: nhận thức về khuôn hình điện ảnh và đặc điểm khuôn hình điện ảnh; những nhân tố ảnh hưởng đến sự tái hiện công tác; tính năng chung của ống kính quang học; hiệu quả màn ảnh của những ống kính và cách ứng dụng; các góc độ quay; bố cục khuôn hình điện ảnh; xử lý ánh sáng và màu; vai trò sáng tạo của người quay phim; các cỡ phim.

2.16. Nghiệp vụ báo chí: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: nhập môn về nghề báo; tin tức; các loại hình báo chí; thể loại ký báo chí; phóng sự - ghi nhanh; ký chân dung - ký chính luận; nhật ký phóng viên; tiểu phẩm và cách viết tiểu phẩm; phỏng vấn - điều tra báo chí; các thể luận báo chí; ảnh báo chí và nghệ thuật; báo ảnh - báo hình; sơ lược báo chí Việt Nam; tự do báo chí và luật pháp báo chí; nguyên tắc hoạt động của báo chí - quy ước tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt Nam.

2.17. Thiết kế mỹ thuật điện ảnh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ của họa sĩ thiết kế mỹ thuật trong phim; các công việc thiết kế từng công đoạn và tổng thể từ việc xử lý kịch bản, ý đồ phác thảo, xử lý bối cảnh, đạo cụ, phục trang, hóa trang đến tính cách và tâm lý nhân vật; mối quan hệ sáng tác với các thành phần chủ chốt trong đoàn làm phim như quay phim, biên kịch, nhà sản xuất phim tạo nên một sự thống nhất trong phong cách sáng tác cho bộ phim về tạo hình. Trong học phần ở từng thời điểm sinh viên sẽ được giới thiệu tiếp về công tác thiết kế mỹ thuật hiện đại. Gồm các phần:

+ Vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người họa sỹ thiết kế mỹ thuật trong phim.

+ Xử lý tạo hình trang phục.

+ Bối cảnh trang trí phim; tính cách và tâm lý nhân vật.

+ Xử lý kịch bản văn học và phác thảo thiết kế.

+ Quan hệ giữa họa sỹ thiết kế với đạo diễn và quay phim.

+ Thiết kế mỹ thuật trong phim lịch sử và truyền hình.

+ Công tác thiết kế mỹ thuật hiện nay.

2.18. Âm thanh điện ảnh: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về kỹ thuật âm thanh trong quá trình sản xuất phim Điện ảnh và Truyền hình: từ thu thanh, chuyển ghi, lồng tiếng hòa âm, tạo hiệu ứng... để tạo ra bản tiếng chuẩn. Gồm các phần:

+ Cân bằng tiếng nói trong điện ảnh và truyền hình.

+ Cân bằng âm nhạc.

+ Hiệu ứng âm thanh và tiếng vang nhân tạo.

+ Điều chỉnh mức âm thanh, hòa âm.

+ Lồng tiếng phim.

2.19. Nhạc phim: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về các chức năng của âm nhạc trong một tác phẩm điện ảnh, qua đó tạo cho tác phẩm đạt được hiệu quả toàn diện; các bài giảng và các bài thực hành được kết hợp xen kẽ, gồm các phần:

+ Mục tiêu của học phần - nhạc không lời.

+ Chức năng: nhạc phim làm cơ sở cảm thụ cho người xem.

+ Chức năng: hỗ trợ cho sự chuyển động, âm nhạc hóa tiếng động, giới thiệu không gian mô tả.

+ Nhạc phim giới thiệu khoảng thời gian mô tả và giới thiệu khoảng thời gian đang mô tả.

+ Chức năng của sự yên lặng trong phim.

+ Tổng kết kinh nghiệm, kinh nghiệm nghe nhạc.

+ Thực hành xem phim.

2.20. Dựng phim: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: hệ thống lại kiến thức dựng phim trong nghệ thuật điện ảnh, trên cơ sở đó cung cấp những kiến thức lý luận hiện đại trong công tác dựng phim hiện nay của thế giới; rèn luyện kỹ năng thực hành về những vấn đề cơ bản trong các khâu của công tác dựng phim; các bài giảng và các bài thực hành được kết hợp xen kẽ. Gồm các phần:

+ Ngôn ngữ điện ảnh và các dạng đặc trưng riêng biệt của loại hình nghệ thuật điện ảnh.

+ Dựng phim trong ngôn ngữ điện ảnh.

+ Dựng phim với quá trình phát triển lịch sử.

+ Các thời kỳ phát triển của dựng phim.

+ Những tìm kiếm về dựng phim ở thời kỳ phim câm (hình ảnh, nhịp điệu).

+ Những tìm kiếm về dựng phim ở thời kỳ phim tiếng (âm thanh ở thời kỳ đầu; âm thanh và ý nghĩa kết hợp với dựng; vấn đề dựng tiếng, dựng nhạc, tiếng động).

+ Dựng phim theo phương pháp truyền thống.

+ Dựng phim theo phương pháp hiện đại (với sự trợ giúp của máy tính chuyên dùng, thiết bị dựng phim chuyên dụng, thiết bị kỹ xảo...).

+ Thực hành dựng phim.

2.21. Kịch học điện ảnh: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: các loại và thể loại phim; các bước sáng tác kịch bản; tính cách nhân vật trong điện ảnh; kết cấu và cốt truyện; các nhân tố trong kịch bản điện ảnh; đưa tác phẩm văn học lên màn ảnh; về mối quan hệ giữa điện ảnh và truyền hình.

2.22. Biên tập kịch bản và phim: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: phân biệt công tác biên tập điện ảnh với biên tập của các cơ quan xuất bản, báo chí; cán bộ biên tập và các tác giả kịch bản điện ảnh; cán bộ biên tập trong quá trình sản xuất; bản giám định kịch bản điện ảnh.

2.23. Lý luận điện ảnh: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: sau khi sinh viên đã học các học phần nghệ thuật của điện ảnh.

- Nội dung: những khái niệm lý luận và yếu tố cơ bản của bộ môn cấu thành nghệ thuật điện ảnh. Giúp sinh viên khái quát những kiến thức đã học và bồi dưỡng khả năng tư duy lý luận. Học phần bao gồm:

+ Tính tổng hợp và tính hình tượng của điện ảnh.

+ Những yếu tố cơ bản của nghệ thuật kịch bản.

+ Những yếu tố cơ bản của nghệ thuật đạo diễn.

+ Những yếu tố cơ bản của nghệ thuật quay phim.

+ Những yếu tố cơ bản của nghệ thuật diễn xuất.

+ Những yếu tố cơ bản của thiết kế mỹ thuật điện ảnh.

+ Âm nhạc và âm thanh.

+ Loại hình và thể loại điện ảnh.

+ Điện ảnh và người xem (tâm lý xã hội học điện ảnh).

2.24. Lịch sử điện ảnh Việt Nam 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: quá trình hình thành và phát triển của Điện ảnh Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những đặc điểm cơ bản, những quy luật phát triển của nền Điện ảnh Việt Nam; những vấn đề của Điện ảnh Việt Nam trong những chặng đường phát triển, từ đó giúp sinh viên hệ thống hóa quá trình hình thành và phát triển nền Điện ảnh Việt Nam, làm cơ sở lý luận, nền tảng cho công việc sáng tạo trong quá trình phát triển nghề nghiệp sau này. Học phần được phân bổ theo 2 học kỳ, mỗi học kỳ gồm kiến thức lý thuyết và kiến thức thực hành được kết hợp song song. Học phần gồm:

+ Phần I: điện ảnh Việt Nam trước Cách mạng Tháng tám (1945)

+ Phần II: xem phim và viết thu hoạch về giai đoạn

+ Phần III: điện ảnh cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1965

+ Phần IV: xem phim và viết thu hoạch về giai đoạn

+ Phần V: điện ảnh Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975

+ Phần VI: xem phim và viết thu hoạch về giai đoạn.

2.25. Lịch sử điện ảnh thế giới 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những nét cơ bản của lịch sử hình thành và phát triển, những trào lưu và khuynh hướng sáng tác của nghệ thuật điện ảnh thế giới, đại diện một số nước như: Pháp, Mỹ, Ý, Liên Xô và Nga, một số nước Bắc Âu, Nam Âu và một số nước châu Á. Từ đó phát huy khả năng tìm tòi sáng tạo nghệ thuật và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Học phần được phân bổ theo hai học kỳ, mỗi học kỳ gồm kiến thức lý thuyết và kiến thức thực hành được kết hợp song song. Học phần gồm:

+ Phần I: điện ảnh Pháp

+ Phần II: xem phim và viết thu hoạch về điện ảnh Pháp

+ Phần III: điện ảnh Mỹ

+ Phần IV: xem phim và viết thu hoạch về điện ảnh Mỹ

+ Phần V: điện ảnh Ý

+ Phần VI: xem phim và viết thu hoạch về điện ảnh Ý.

2.26. Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 1: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: khái niệm điện ảnh học; nhập môn nghiệp vụ phê bình; phương pháp tìm chủ đề phim.

2.27. Thực hành nghiệp vụ phê bình điện ảnh 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: song song với Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 1

- Nội dung: xem phim; viết bài giới thiệu phim; viết bài bình luận phim; trao đổi về phim và sửa bài viết ở trên lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

2.28. Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 2: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 1

- Nội dung: phân tích phim; tìm chủ đề phim; phương pháp viết bài phân tích chủ đề phim.

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

1. Hướng dẫn xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo

1.1. Khi xây dựng chương trình đào tạo các trường cần phân chia tỷ lệ cân đối giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo phải thể hiện được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

1.2. Chương trình được thực hiện kết hợp giữa niên chế và học phần. Tùy điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quyết định chuyển đổi hình thức đào tạo sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ căn cứ vào các quy định hiện hành.

2. Khối lượng kiến thức tự chọn

2.1. Căn cứ quy định tại mục 2 (cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo) ngoài các học phần bắt buộc đã quy định tại mục III, các đơn vị học trình còn lại do các trường thiết kế và xây dựng, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 25 đvht

- Kiến thức ngành: 57 đvht

Hiệu trưởng các trường quyết định các học phần sao cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các chuyên môn sâu theo ngành nghề đào tạo của trường mình.

2.2. Giới thiệu một số học phần tự chọn

2.2.1. Lịch sử điện ảnh Việt Nam 2: 5 đvht

Nội dung: quá trình hình thành và phát triển của Điện ảnh Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những đặc điểm cơ bản, những quy luật phát triển của nền Điện ảnh Việt Nam; những vấn đề của Điện ảnh Việt Nam trong những chặng đường phát triển, từ đó giúp sinh viên hệ thống hóa quá trình hình thành và phát triển nền Điện ảnh Việt Nam, làm cơ sở lý luận, nền tảng cho công việc sáng tạo trong quá trình phát triển nghề nghiệp sau này. Học phần được bổ theo 2 học kỳ, mỗi học kỳ gồm kiến thức lý thuyết và kiến thức thực hành được kết hợp song song. Học phần gồm:

+ Phần VII: điện ảnh Việt Nam giai đoạn 1975 - 1988

+ Phần VIII: xem phim và viết thu hoạch về giai đoạn

+ Phần IX: điện ảnh Việt Nam từ 1988 đến nay

+ Phần V: xem phim và viết thu hoạch về giai đoạn.

2.2.2. Lịch sử điện ảnh thế giới 2: 5 đvht

Nội dung: những nét cơ bản của lịch sử hình thành và phát triển, những trào lưu và khuynh hướng sáng tác của nghệ thuật điện ảnh thế giới, đại diện một số nước như: Pháp, Mỹ, Ý, Liên Xô và Nga, một số nước châu Âu khác và một số nước châu Á. Từ đó phát huy khả năng tìm tòi sáng tạo nghệ thuật và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Học phần được phân bổ theo hai học kỳ, mỗi học kỳ gồm kiến thức lý thuyết và kiến thức thực hành được kết hợp song song. Học phần gồm:

+ Phần VII: điện ảnh Liên Xô và Nga

+ Phần VIII: xem phim và viết thu hoạch về điện ảnh Liên Xô và Nga

+ Phần IX: giới thiệu một số nền điện ảnh một số nước châu Âu khác

+ Phần X: xem phim và viết thu hoạch về điện ảnh các nước

+ Phần XI: giới thiệu điện ảnh các nước châu Á

+ Phần XII: xem phim và viết thu hoạch về điện ảnh các nước.

2.2.3. Thực hành nghiệp vụ phê bình điện ảnh 2: 5 đvht

Nội dung: xem phim; viết bài phân tích phim; viết bài phê bình phim, trao đổi về phim và sửa bài trên lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

2.2.4. Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 3: 3 đvht

Nội dung: tổng hợp phim theo đề tài, vấn đề; phương pháp viết bài tổng hợp phim theo đề tài, vấn đề.

2.2.5. Thực hành nghiệp vụ phê bình điện ảnh 3: 5 đvht

Nội dung: xem phim; viết bài tổng hợp phim theo đề tài, vấn đề; tiếp tục viết bài phê bình phim; trao đổi về phim và sửa bài viết trên lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

2.2.6. Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 4: 4 đvht

Nội dung: tổng hợp phim theo thời gian; phương pháp viết bài tổng hợp phim theo thời gian.

2.2.7. Thực hành nghiệp vụ phê bình điện ảnh 4: 5 đvht

Nội dung: xem phim; viết bài tổng hợp phim theo thời gian; tiếp tục viết bài phê bình phim; trao đổi về phim và sửa bài viết ở trên lớp với sự hướng dẫn của giảng viên chuyên môn.

2.2.8. Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 5: 4 đvht

Giúp sinh viên nắm vững các nghiệp vụ cơ bản về phân tích phim theo vấn đề nghệ thuật. Giảng dạy lý thuyết, thực hành xem phim và viết bài được kết hợp song song.

2.2.9. Thực hành nghiệp vụ phê bình điện ảnh 5: 5 đvht

Xem phim, viết bài phân tích phim theo vấn đề nghệ thuật, tiếp tục bài phê bình phim, viết tiểu luận.

2.2.10. Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 6: 4 đvht

Giúp sinh viên nắm vững các nghiệp vụ cơ bản về phương pháp viết bài chuyên khảo.

2.2.11. Thực hành nghiệp vụ phê bình điện ảnh 6: 5 đvht

Xem phim, viết bài chuyên khảo, tiếp tục viết bài phê bình phim.

2.2.12. Nghiệp vụ phê bình điện ảnh 7: 6 đvht

+ Giúp sinh viên nắm vững các nghiệp vụ cơ bản về phương pháp viết khóa luận, phương pháp nghiên cứu.

+ Xem phim, chuẩn bị đề tài và đề cương luận văn tốt nghiệp.

3. Thực tập tốt nghiệp: được thực hiện sau khi kết thúc học kỳ 7, nội dung: tìm hiểu tình hình thực tế của hoạt động sáng tác, của công tác biên tập kịch bản và phim, của công tác báo chí và tuyên truyền - phát hành phim.

4. Luận văn tốt nghiệp: được thực hiện ở học kỳ 8, sinh viên nhận đề tài thực hiện luận văn tốt nghiệp. Luận văn tốt nghiệp được quy định có độ dài không dưới 60 trang và không quá 100 trang A4. Nội dung khóa luận tốt nghiệp phải đúng với đề cương đã được hội đồng thông qua. Sinh viên bảo vệ trước hội đồng chấm thi tốt nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh
(Design for Theatre and Film)

Mã ngành:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh, đáp ứng nhu cầu hoạt động sáng tác trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh nói riêng và văn hóa nghệ thuật nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất đạo đức

Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

2.2. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, hệ thống các kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức ngành Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh ở trình độ đại học.

2.3. Kỹ năng

Có kỹ năng về mỹ thuật và nghệ thuật thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh, có khả năng độc lập sáng tạo, tư duy khoa học, tạo hiệu quả cao trong lĩnh vực Thiết kế mỹ thuật sân khấu và điện ảnh.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 210 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Kiến thức bắt buộc (đvht)	Kiến thức các trường thiết kế và xây dựng (đvht)	Tổng số (đvht)
2.1. Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	45	25	70
2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	80	60	140
- Kiến thức cơ sở ngành	25		
- Kiến thức ngành	35		
- Thực tập nghề nghiệp	10		
- Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp	10		
2.3. Tổng khối lượng	125	85	210

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

1. Danh mục các học phần bắt buộc

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương 45 đvht*

1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4
4	Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4
6	Ngoại ngữ	10
7	Tin học đại cương	4
8	Lịch sử văn học Việt Nam	5
9	Lịch sử văn học thế giới	5
10	Giáo dục thể chất	5
11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết

* Chưa tính các học phần 10 và 11.

1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 80 đvht

1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành 25 đvht

1	Đồ họa vi tính	5
2	Lịch sử phục trang	4
3	Nghệ thuật dựng phim	3
4	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3
5	Trang trí không gian 1	5
6	Trang trí không gian 2	5

1.2.2. Kiến thức ngành 35 đvht

1	Hình họa 1	5
2	Hình họa 2	5
3	Hình họa 3	5
4	Hình họa 4	5
5	Hình họa 5	5
6	Hội họa 1	5
7	Hội họa 2	5

1.2.3. Thực tập nghề nghiệp: 10 đvht

1.2.4. Khóa luận (hoặc thi) tốt nghiệp: 10 đvht

2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

2.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.4. Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung:

+ Những quan điểm và nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa.

+ Vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.

+ Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam: phân tích những nội dung có liên quan trong các văn kiện của Đảng (chú ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội từng thời kỳ, từng giai đoạn).

+ Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo văn hóa.

+ Những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay.

+ Những khó khăn, tồn tại cần khắc phục.

+ Phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.5. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về Văn hóa học và văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của tộc người Việt giữ vai trò chủ thể và xác định rõ những đặc điểm của vùng văn hóa ở Việt Nam.

2.6. Ngoại ngữ: 10 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao

hơn. Đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học phổ thông, sau khi hoàn thành học phần này phải đạt trình độ trung cấp (Intermediate Level).

2.7. Tin học đại cương: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: giới thiệu những khái niệm cơ bản về hệ điều hành, cấu tạo và cách sử dụng máy tính; xử lý văn bản, quản lý dữ liệu; giới thiệu về Internet và cách truy cập. Ngoài ra, giúp sinh viên hình thành, phát triển kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm thông dụng.

2.8. Lịch sử văn học Việt Nam: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức khái quát về quá trình phát triển của văn học Việt Nam; hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử, gồm:

+ Văn học dân gian Việt Nam: khái quát văn học dân gian Việt Nam và giới thiệu một số tác giả tiêu biểu.

+ Văn học trung đại Việt Nam: một số vấn đề về loại hình và lịch sử văn học trung đại.

+ Văn học hiện đại Việt Nam: khái quát văn học hiện đại Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến nay).

2.9. Lịch sử văn học thế giới: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của văn học trong lịch sử nhân loại qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kỳ cụ thể; rèn luyện kỹ năng khám phá bản chất thẩm mỹ của văn chương, cá tính sáng tạo và quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Gồm các phần:

+ Văn học cổ đại Hy Lạp.

+ Văn học thời kỳ Phục hưng.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVII.

+ Văn học Pháp thế kỷ XVIII.

+ Văn học hiện thực Nga thế kỷ XIX.

+ Văn học lãng mạn Pháp thế kỷ XIX.

+ Văn học thế kỷ XX.

2.10. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng Sư phạm và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường Đại học và Cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

2.11. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

Nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

2.12. Đồ họa vi tính: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

- Nội dung: những kiến thức về Corelw Draw là phần mềm rất mạnh để thực hiện thành công những ý tưởng thiết kế. Học phần này cũng giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, từ đó sinh viên có thể tự tra cứu thêm những tư liệu tham khảo của phần mềm này có trên thị trường. Gồm 9 bài:

+ Khởi đầu với Corelw Draw 11.0.

+ Tạo đối tượng Graphic.

+ Chọn - nhân bản - biến đổi.

+ Thao tác với nhiều đối tượng.

+ Chỉnh dạng đối tượng.

+ Thao tác với Text.

+ Chỉ định thuộc tính nền và viền.

+ Sử dụng các hiệu ứng.

+ Thao tác với ảnh Biprmap.

2.13. Lịch sử phục trang: 4 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam theo tiến trình thời gian; giới thiệu các tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu; những đặc điểm cơ bản của lịch sử mỹ thuật phục trang Việt Nam qua từng thời kỳ, từng triều đại, từng thời kỳ lịch sử của đất nước. Cụ thể:

+ Thời kỳ trước công nguyên, thời kỳ Bắc thuộc (đến thế kỷ 10)

+ Thời kỳ kiến thức sơ kỳ (từ thế kỷ 10 đến 11)

+ Thời kỳ phong kiến trung kỳ (từ thế kỷ 11 đến 14)

+ Thời kỳ phong kiến trung kỳ (từ thế kỷ 15 đến 16)

+ Thời Nguyễn (1820 - 1945)

+ Tham quan bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Lịch sử; tổng kết và hướng dẫn làm bài.

2.14. Nghệ thuật dựng phim: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về ngôn ngữ điện ảnh và những đặc trưng riêng biệt của nghệ thuật điện ảnh; dựng phim trong ngôn ngữ điện ảnh; dựng phim với quá trình phát triển lịch sử; thời kỳ (thống soái) của dựng phim; những tìm kiếm về dựng phim ở thời kỳ phim câm; những tìm kiếm về dựng phim ở thời kỳ phim đen trắng.

2.15. Nghệ thuật nhiếp ảnh: 3 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức cơ bản về bố cục, xử lý tạo hình, ánh sáng đường nét, màu sắc, tạo hiệu quả không gian và xử lý chất liệu bề mặt của các đối tượng; chuẩn bị cho sinh viên tập làm quen với ánh sáng và tạo hình điện ảnh. Gồm các phần:

+ Bố cục khuôn hình nhiếp ảnh.

+ Ánh sáng trong nhiếp ảnh.

+ Xử lý tạo hình nhiếp ảnh.

+ Ảnh phong cảnh.

+ Ảnh chân dung.

+ Ảnh tĩnh vật.

+ Ảnh liên hoàn.

2.16. Trang trí không gian 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những kiến thức về trang trí không gian cơ bản: trang trí không gian nội thất; trang trí không gian ngoại thất; sinh viên học lý thuyết và thực hành kết hợp song song.

2.17. Trang trí không gian 2: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: trang trí không gian 1.

- Nội dung: những kiến thức về trang trí không gian cơ bản: Trang trí không gian các sinh hoạt văn hóa xã hội trong nghề nghiệp, lễ hội, hội nghị, biểu diễn trong nhà; trang trí không gian những sinh hoạt văn hóa xã hội mang tính tập thể ngoài trời; sinh viên học lý thuyết và thực hành kết hợp song song.

2.18. Hình họa 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: các khái niệm cơ bản của hình khối, mảng và vai trò của thể loại tượng chân dung. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức vào bài tập thể hiện được không gian, hình khối, đặc điểm và hướng của nguồn sáng trên cơ sở mẫu chất liệu thạch cao; củng cố và bổ sung các kiến thức đã học ở các bài chân dung, bán thân tượng. Từ đó, sinh viên có sự hiểu biết về không gian, hiểu rõ quy luật của độ đậm nhạt trước tác động của ánh sáng để diễn tả mẫu, thể hiện được không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều; sử dụng tốt chất liệu chì trên giấy; sử dụng phương pháp bố cục, dựng hình, phối hợp đậm nhạt, tạo được hình khối, không gian; diễn tả được đặc điểm mẫu thuật, thể hiện được sự khác biệt giữa già và trẻ, giữa tượng và người. Sinh viên học lý thuyết và thực hành các bài tập vẽ kết hợp xen kẽ, gồm 12 bài thực hành vẽ.

2.19. Hình họa 2: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: hình họa 1.

- Nội dung: củng cố, bổ sung và áp dụng các kiến thức đã học ở trong hệ thống bài hình họa trên vào những bài tập một cách linh hoạt, thể hiện được hình khối, đặc điểm và không gian của từng mẫu vẽ cụ thể, thể hiện được sự khác biệt giữa hình khối, chất cảm da thịt giữa người già và người trẻ, sử dụng cách vẽ bút chì tốt trên chất liệu giấy; hoàn thiện dần kỹ năng vẽ chất liệu chì, thể hiện được không gian trên mặt phẳng hai chiều, bố cục, dựng hình, phối hợp đậm nhạt và ánh sáng tạo được không gian tổng thể của mẫu về từ ba hướng cơ bản khác nhau, thể hiện và hiểu được tỷ lệ cơ bản của tư thế mẫu ngồi và mẫu ở tư thế đứng, diễn tả chất da, thịt, tóc, vải, không gian và ánh sáng của mẫu vẽ. Sinh viên học lý thuyết và thực hành các bài tập vẽ được kết hợp xen kẽ, gồm 13 bài thực hành vẽ.

2.20. Hình họa 3: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: hình họa 1 và 2.

- Nội dung: hoàn thiện dần kỹ năng vẽ chất liệu chì, nắm được tỉ lệ cơ bản của dáng nằm, ngồi của tư thế mẫu nam, diễn tả được không gian tổng thể của dáng mẫu, đặc điểm tính cách mẫu nam; nắm được quy luật của ánh sáng và cách sử dụng của

bút chì mang tính chủ động, hiểu và thể hiện được sự khác biệt về đường nét, cấu trúc, hình khối của mẫu nữ so với mẫu nam, thể hiện được sự mềm mại đặc tính của mẫu nữ theo từng thế dáng cụ thể, thể hiện được tinh thần, đặc điểm cá nhân của từng mẫu khác biệt. Sinh viên học lý thuyết và thực hành các bài tập vẽ được kết hợp xen kẽ, gồm 13 bài thực hành vẽ.

2.21. Hình họa 4: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hình họa 1, 2 và 3.

- Nội dung: thể hiện được sự linh hoạt, chủ động của chất liệu sơn dầu trên từng bài tập, thể hiện được không gian, ánh sáng, độ đậm nhạt, hình khối và màu sắc ở từng vị trí vẽ khác nhau, thể hiện được góc nhìn cao, thấp của không gian hòa sắc của mẫu vẽ, lột tả được tinh thần của dáng thế, đặc điểm cá nhân của từng mẫu vẽ cụ thể mang đậm tính sáng tạo cá nhân trong bút pháp thể hiện sơn dầu. Sinh viên học lý thuyết và thực hành các bài tập kết hợp xen kẽ, gồm 5 bài thực hành vẽ.

2.22. Hình họa 5: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hình họa 1, 2, 3 và 4.

- Nội dung: nghiên cứu và thể hiện được mẫu vẽ và trang phục phù hợp với thể trạng và độ tuổi; phân biệt và thể hiện được sự khác biệt giữa mẫu già, trung niên, trẻ nam, nữ và tìm ra bút pháp phù hợp để diễn tả đạt được hiệu quả cao nhất; thể hiện được đặc điểm, không gian, tâm trạng và dáng thế mẫu; chủ động trong bút pháp thể hiện mang đậm dấu ấn cá nhân, sáng tạo. Sinh viên học lý thuyết và thực hành bài tập vẽ kết hợp xen kẽ, gồm 5 bài thực hành vẽ.

2.23. Hội họa 1: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: những khái niệm cơ bản của tĩnh vật, của màu sắc và vai trò của bài tĩnh vật. Từ đó, sinh viên vận dụng kiến thức vào bài tập thể hiện được không gian, hình khối, độ đậm nhạt và hướng của nguồn sáng trên cơ sở mẫu thật; củng cố và bổ sung các kiến thức đã học vẽ tĩnh vật màu, hiểu về màu trong không gian, hiểu rõ quy luật của màu sắc trước tác động của ánh sáng để diễn tả mẫu, nắm được tương quan: độ nóng - lạnh, độ đậm - nhạt của màu, thể hiện không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều, sử dụng tốt chất liệu bột màu trên giấy, sử dụng phương pháp bố cục, dựng hình, phối hợp đậm nhạt, màu sắc tạo được hình khối, không gian, diễn tả tính chất của đồ vật, có bút pháp riêng, có cá tính và sáng tạo. Sinh viên học lý thuyết và thực hành các bài tập vẽ kết hợp xen kẽ, gồm 10 bài thực hành vẽ.

2.24. Hội họa 2: 5 đvht

- Điều kiện tiên quyết: Hội họa 1.

- Nội dung: củng cố, bổ sung và áp dụng các kiến thức đã học trong hệ thống bài tĩnh vật trên chất liệu bột màu vào những bài tập trên chất liệu sơn dầu một cách linh hoạt; thể hiện được hòa sắc của mẫu vẽ, không gian, thời gian của cảnh vẽ; sử dụng cách vẽ bằng bút tốt trên chất liệu sơn dầu; thể hiện được không gian trên mặt phẳng hai chiều, bố cục, dựng hình, phối hợp độ đậm nhạt và màu sắc tạo được hòa sắc tổng thể của mẫu vẽ và thời gian của cảnh vẽ. Sinh viên học lý thuyết và thực hành bài tập vẽ kết hợp xen kẽ, gồm 10 bài thực hành vẽ.

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỤ THỂ

1. Hướng dẫn xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo

1.1. Khi xây dựng chương trình đào tạo các trường cần phân chia cân đối tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào chương trình đào tạo.

1.2. Các chương trình đào tạo phải thể hiện được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

1.3. Chương trình được thực hiện kết hợp giữa niên chế và học phần. Tùy điều kiện của từng trường, Hiệu trưởng quyết định chuyển đổi hình thức đào tạo sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Khối lượng kiến thức tự chọn

2.1. Căn cứ quy định tại mục 2 (cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo), ngoài các học phần bắt buộc, các đơn vị học trình còn lại do các trường thiết kế và xây dựng, bao gồm:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 25 đvht

- Kiến thức ngành: 60 đvht

Hiệu trưởng các trường quyết định các học phần tự chọn sao cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm ngành nghề đào tạo của trường mình.

2.2. Giới thiệu một số học phần tự chọn

2.2.1. Hội họa 3: 5 đvht

- Nội dung: hoàn thiện dần kỹ năng vẽ chất liệu sơn dầu; diễn tả không gian tổng thể của mẫu vẽ và không gian tranh phong cảnh ngoài trời; diễn tả nguồn ánh sáng trên mẫu tĩnh vật và ánh sáng tự nhiên trong tranh phong cảnh ngoài trời, diễn tả

chất liệu của đồ vật như: gốm, sứ, thủy tinh, kim loại... trong bài vẽ tĩnh vật, nước, mây, nhà, cây... trong tranh phong cảnh ngoài trời. Từ đó, sinh viên nắm được quy luật của hòa sắc và cách sử dụng bút pháp mang tính chủ động của cá nhân, ký họa tư liệu mang tính chủ động để làm phác thảo đen trắng mẫu. Sinh viên học lý thuyết và thực hành các dạng bài tập vẽ kết hợp xen kẽ, gồm 11 bài thực hành vẽ.

2.2.2. Hội họa 4: 5 đvht

- Nội dung: những kiến thức về các dạng bố cục cơ bản trong tranh hội họa và cách chuyển từ tư liệu vào tác phẩm hội họa trên chất liệu sơn dầu. Sinh viên chọn đề tài và lấy tư liệu phục vụ cho một bức tranh sơn dầu, thực hiện quy trình làm phác thảo đen trắng và phác thảo mẫu trên hệ thống tư liệu đã có; áp dụng kỹ năng đã học trong trường vào thực tế cụ thể ở một địa phương; sử dụng tốt một số loại bút, màu, giấy vẽ ký họa cơ bản. Phần lý thuyết và thực hành các bài tập vẽ kết hợp xen kẽ, gồm 8 bài thực hành vẽ và đi thực tế.

2.3. Giới thiệu chuyên ngành tự chọn

2.3.1. Chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật phim truyện, gồm các học phần		
a	Tạo hình mỹ thuật phim truyện 1	5
b	Tạo hình mỹ thuật phim truyện 2	5
c	Tạo hình mỹ thuật phim truyện 3	5
d	Tạo hình mỹ thuật phim truyện 4	5
e	Tạo hình mỹ thuật phim truyện 5	5
f	Nghiệp vụ đạo diễn điện ảnh	5
g	Kỹ xảo vi tính số hóa	5
h	Nghệ thuật quay phim	5
i	Kỹ thuật ống kính	5
2.3.2. Chuyên ngành thiết kế mỹ thuật phim hoạt hình, gồm các học phần		
a	Tạo hình mỹ thuật phim hoạt hình 1	5
b	Tạo hình mỹ thuật phim hoạt hình 2	5
c	Tạo hình mỹ thuật phim hoạt hình 3	5
d	Tạo hình mỹ thuật phim hoạt hình 4	5
e	Tạo hình mỹ thuật phim hoạt hình 5	5
f	Nghiệp vụ đạo diễn phim hoạt hình	5

g	Kỹ xảo vi tính số hóa	5
h	Nghệ thuật quay phim	5
i	Kỹ thuật vẽ động	5
2.3.3. Chuyên ngành thiết kế mỹ thuật sân khấu, gồm các học phần		
a	Tạo hình mỹ thuật sân khấu 1	5
b	Tạo hình mỹ thuật sân khấu 2	5
c	Tạo hình mỹ thuật sân khấu 3	5
d	Tạo hình mỹ thuật sân khấu 4	5
e	Tạo hình mỹ thuật sân khấu 5	5
f	Nghiệp vụ đạo diễn sân khấu	5
g	Thiết kế ánh sáng sân khấu	5
h	Nghệ thuật hóa trang sân khấu	5
i	Nghệ thuật dựng cảnh sân khấu	5

3. Thực tập tốt nghiệp: được thực hiện sau khi kết thúc học kỳ 7, nội dung: thu thập tài liệu, thực tập nghề nghiệp, nghiên cứu mô hình tổ chức liên quan đến đề tài khóa luận tốt nghiệp.

4. Đồ án và khóa luận tốt nghiệp: được thực hiện ở học kỳ 8, sinh viên nhận đề tài theo chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh đã được học. Nội dung đồ án và khóa luận tốt nghiệp phải đúng với đề cương được hội đồng thông qua. Sinh viên bảo vệ trước hội đồng chấm thi tốt nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

(Xem tiếp Công báo số 700 + 701)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng